BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:4472 /QĐ-BGDĐT	

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Tây Ninh

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Công văn số 2776/UBND-KGVX ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8;

Căn cứ Báo cáo số 557/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Báo cáo tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Tây Ninh lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Uỷ ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thưởng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH
TÂY NINH

LỚP 8



BẢN MẪU
Tháng 11 - 2023

Hoàng Thị Kiều Oanh

Nguyễn Thị Hiền

Trần Thị Kim Nhung

Trần Thị Thanh Lợi

Hoàng Minh Phúc

Trần Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN VĂN PHƯỚC – TRẦN THỊ KIM NHUNG (đồng Tổng Chủ biên)
HỒ HẢI THỌ – NGUYỄN THỊ HIỂN (đồng Chủ biên)
TRẦN THANH BÌNH – ĐẶNG THÀNH CÔNG – TRẦN THỊ HẠNH LỢI
HOÀNG THỊ KIỀU OANH – HOÀNG MINH PHÚC – NGUYỄN KIM QUANG

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH TÂY NINH

LỚP 8



LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Tiếp nối chương trình giáo dục địa phương lớp 7 và nhằm giúp các em có thêm những hiểu biết sâu sắc hơn về các vấn đề lịch sử, văn hoá, địa lí,... của quê hương Tây Ninh, Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tổ chức biên soạn **Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Tây Ninh – Lớp 8.**

Tài liệu gồm 6 chủ đề, chứa đựng những nội dung cơ bản, mang tính lịch sử và thời sự về lịch sử, địa lí, văn hoá và xã hội của tỉnh Tây Ninh. Về lịch sử, tài liệu sẽ giúp các em tìm hiểu tiến trình lịch sử của vùng đất Tây Ninh từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX. Về địa lí, các em sẽ được khám phá những đặc điểm cơ cấu dân số của tỉnh Tây Ninh, sự phân bố dân cư và những ảnh hưởng của sự phân bố đến việc phát triển kinh tế – xã hội cùng với đó là tình hình lao động, việc làm của tỉnh nhà. Về văn hoá – truyền thống, các em sẽ được giới thiệu đặc điểm ngữ âm, từ ngữ địa phương, vai trò của ngôn ngữ địa phương trong đời sống và văn học nghệ thuật địa phương; cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ nhân dân gian trên lĩnh vực âm nhạc; nét đẹp của một số lễ hội truyền thống của tỉnh Tây Ninh. Về xã hội, các em sẽ được bổ sung kiến thức thực trạng môi trường, tài nguyên thiên nhiên ở địa phương, qua đó hình thành ý thức phê phán và biết đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và huỷ hoại tài nguyên thiên nhiên.

Mỗi chủ đề vẫn được biên soạn thành các hoạt động: Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng nhằm đảm bảo sự kế thừa, kết nối chặt chẽ với nội dung và hình thức của tài liệu lớp 7.

Chúc các em học sinh có những trải nghiệm thú vị và bổ ích cùng **Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Tây Ninh – Lớp 8.**

CÁC TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU



Mục tiêu

Hình thành những phẩm chất, năng lực mà các em cần đạt được sau mỗi chủ đề hoặc bài học.



Khởi động

Tạo được tình huống mâu thuẫn hoặc các tình huống có vấn đề giúp các em hứng thú trong tìm hiểu kiến thức mới.



Khám phá

Giúp các em tự lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kĩ năng thông qua các chuỗi hoạt động giáo dục.



Luyện tập

Giúp các em rèn luyện để hiểu rõ hơn những điều vừa khám phá được.



Vận dụng

Giúp các em vận dụng những nội dung đã học vào thực tiễn.

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 2

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU 3

Chủ đề 1:

VÙNG ĐẤT TÂY NINH TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX 5

Chủ đề 2

ĐỊA LÍ DÂN CƯ TỈNH TÂY NINH 23

Chủ đề 3

NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH TÂY NINH 37

Chủ đề 4

MỘT SỐ NGHỆ NHÂN TRONG LĨNH VỰC ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH TÂY NINH 46

Chủ đề 5

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TỈNH TÂY NINH 51

Chủ đề 6

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH TÂY NINH 59

BẢNG THUẬT NGỮ 70

CHỦ ĐỀ 1

VÙNG ĐẤT TÂY NINH TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

BÀI 1 VÙNG ĐẤT TÂY NINH TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Mục tiêu

- Trình bày khái quát được về quá trình mở cõi của các chúa Nguyễn có liên quan đến vùng đất Tây Ninh;
- Nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền của các chúa Nguyễn đối với vùng đất này;
- Trình bày được những thay đổi về đơn vị hành chính của Tây Ninh dưới Triều Nguyễn;
- Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Tây Ninh dưới Triều Nguyễn.

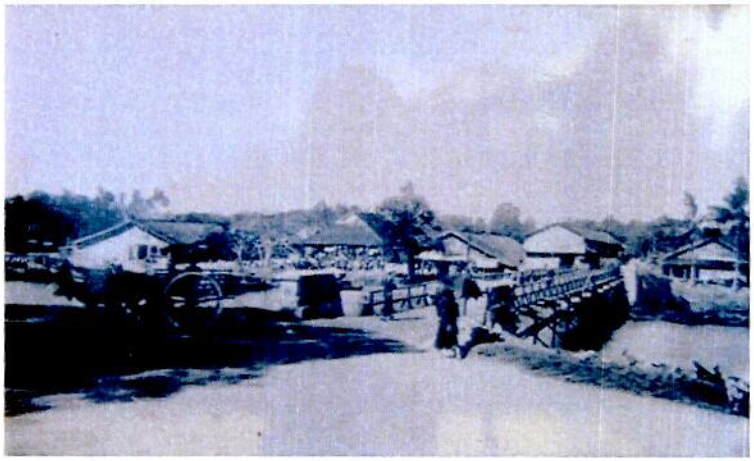
Khởi động

Dựa vào kiến thức đã học, hãy nêu những hiểu biết của em về vùng đất Tây Ninh từ thời nguyên thuỷ đến thế kỉ X.

Khám phá

I. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH MỞ CÕI CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VÙNG ĐẤT TÂY NINH

Trước đây, Tây Ninh là vùng đất hoang vu rừng rậm, nhiều thú dữ và chưa được khai phá. Từ thế kỉ XVII trở đi, những lớp lưu dân người Việt từ vùng Thuận Quảng theo đường biển di cư vào Nam đến cửa biển Cần Giờ giao thương với Chân Lạp, lập thành vùng đất mà sau này trở thành Phiên Trấn. Cư dân người Việt định cư, khai khẩn đất đai ở Hóc Môn, Trảng Bàng qua Gò Dầu vào tận núi Bà Đen.



Hình 1. Rạch Tây Ninh xưa
(Nguồn: Ảnh tư liệu)

Khi dân cư dần đông đúc, chúa Nguyễn cho thiết lập hệ thống hành chính ở đây.

Tháng 2 – 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, ổn định tình hình và thiết lập bộ máy hành chính. Trên cơ sở các vùng đất do lưu dân người Việt khai phá, Nguyễn Hữu Cảnh đã lập "đất Nông Nại[1] đặt làm Gia Định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ[2], cai bạ[3] và kí lục[4] để cai trị"[5]. Chúa Nguyễn còn sai Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập xã thôn, phường ấp, định lệ thuế khoá, lập sổ đinh điền. Vùng đất Tây Ninh lúc bấy giờ lập thành hai đạo: Quang Phong và Quang Hoá thuộc huyện Phước Long. Đạo Quang Phong (phía bắc Tây Ninh), đạo Quang Hoá (phía nam Tây Ninh) có khoảng 1 000 lưu dân định cư tại hai đạo này. Năm 1779, hai đạo Quang Phong và Quang Hoá thuộc huyện Tân Bình[6], dinh Phiên Trấn.

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh chia Gia Định làm bốn dinh, gồm: Phiên Trấn, Trấn Biên, Trấn Vĩnh, Trấn Định. Vùng đất Tây Ninh thuộc dinh Phiên Trấn. Theo đó, cư dân người Việt đến Tây Ninh ngày một đông hơn, hình thành các ấp, cứ 10 nhà làm một ấp nhỏ, 50 nhà làm một ấp lớn.

Những lớp lưu dân đầu tiên đến Tây Ninh đã có những đóng góp quan trọng như thế nào đối với vùng đất này?

---

(1) Tên một vùng đất phía đông bắc Nam Bộ. Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược sáp nhập Nông Nại vào bản đồ Đàng Trong. Nông Nại nay thuộc thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
(2) Chức quan phụ tá trông coi, xem xét các việc ở trong một dinh hoặc trấn.
(3) Chức quan phụ trách tài chính, hành chính như: quân lương, thuế khoá, điền thổ, hộ tịch ở các dinh, trấn ở Đàng Trong.
(4) Chức quan phụ tá trông coi mọi mặt hành chính tại một dinh hoặc trấn ở Đàng Trong.
(5) Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, NXB Văn hoá Sài Gòn, Sài Gòn, 1972, trang 12.
(6) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, trang 196, 320.

II. Ý NGHĨA CỦA QUÁ TRÌNH THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN ĐỐI VỚI VÙNG ĐẤT TÂY NINH

Việc xác lập chủ quyền trên vùng đất Tây Ninh và quá trình biến đổi địa giới hành chính của vùng đất này trong buổi đầu khai phá là công lao to lớn của các chúa Nguyễn.

Từ khi được xác lập địa giới hành chính dưới thời các chúa Nguyễn, vùng đất Tây Ninh không ngừng được mở rộng. Tại đây, các chúa Nguyễn đã xây dựng thành ba đạo, gồm: Quang Hoá, Quang Phong và Thuận Thành.

Sự bảo hộ và quản lí của các chúa Nguyễn đã khiến vùng đất Tây Ninh dần trở nên trù mật, dân cư đông đúc (ước chừng có 1 000 lưu dân người Việt sinh sống tại đây).

Vì có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trong tiến trình lập làng, lập ấp và nhiều chính sách thu hút dân cư của chính quyền chúa Nguyễn nên vào cuối thế kỉ XVIII, trên vùng đất Tây Ninh đã hình thành những thôn làng phân bố theo dọc các triền sông, gần các thủ sở, đồn biên ải.

Đặc biệt, trong quá trình mở rộng vùng đất Tây Ninh không thể không nhắc đến công lao của ba anh em họ Huỳnh: Huỳnh Công Giản, Huỳnh Công Nghệ và Huỳnh Công Thắng.

? Em có biết

Theo một số tài liệu thì vào năm 1749, ba anh em họ Huỳnh là Huỳnh Công Giản, Huỳnh Công Nghệ và Huỳnh Công Thắng ở vùng Nhật Tảo – Đàng Ngoài đến vùng đất Tây Ninh. Ba ông cùng với đội binh mã của mình thực hiện cuộc Nam tiến, di dân khai hoang lập ấp và giữ gìn an ninh vùng đất biên cương. Huỳnh Công Giản là anh cả, đóng đồn ở Trà Vong (xã Trà Vong, huyện Tân Biên) nên còn được gọi là Quan lớn Trà Vong, anh thứ hai là Huỳnh Công Nghệ đóng đồn ở Hảo Đước (xã Hảo Đước, huyện Châu Thành), còn người em út là Huỳnh Công Thắng đóng đồn ở Cẩm Giang (xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu). Sau khi các ông qua đời, dân chúng thương tiếc lập hàng chục đền thờ tại nhiều nơi tại tỉnh Tây Ninh.



Hình 2. Đình thờ Quan lớn Huỳnh Công Nghệ (xã Hảo Đước, huyện Châu Thành)
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội)



Hình 3. Đền thờ Quan đại thần Huỳnh Công Thắng (xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu)
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội)





Hình 4. Mộ Quan lớn Trà Vong – Huỳnh Công Giản (Ấp 3, xã Trà Vong, huyện Tân Biên)
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội)

– Hãy cho biết việc Tây Ninh được xác lập địa giới hành chính dưới thời các chúa Nguyễn có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của vùng đất này.

– Công lao của ba anh em họ Huỳnh được thể hiện như thế nào trong quá trình thực thi chủ quyền ở vùng đất Tây Ninh?

III. NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI CỦA TÂY NINH DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

1. Tình hình chính trị

Năm 1802, vua Gia Long (Nguyễn Phúc Ánh) đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định (đến năm 1808, gọi là Gia Định thành). Các dinh thuộc phủ cũng đổi thành trấn. Trong đó, dinh Phiên Trấn đổi thành trấn Phiên An. Tại vùng đất Tây Ninh, ông cho thiết lập các đạo Quang Hoá, Quang Phong, Thuận Thành thuộc trấn Phiên An.

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn làm tỉnh, chia toàn Nam Kỳ làm sáu tỉnh, gồm: Phiên An, Biên Hoà, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Vùng đất Tây Ninh thuộc tỉnh Phiên An.

Đến năm 1836, tỉnh Phiên An đổi thành tỉnh Gia Định. Phủ Tây Ninh được thành lập trực thuộc tỉnh Gia Định, gồm hai huyện: Tân Ninh và Quang Hoá.

Địa danh Tây Ninh với tư cách là một đơn vị hành chính cấp phủ lần đầu tiên có tên trên bản đồ hành chính Việt Nam, điều này cho thấy vị thế quan trọng của vùng đất này trong chiến lược giữ vững biên giới, cũng như khẳng định quyền lực trong khu vực dưới thời Hoàng đế Minh Mạng (1820 – 1841).

Về an ninh, các đồn bảo cũ như: Thanh Lưu, Đôn Thuận được tăng cường quân lính canh giữ. Đặc biệt ở khu vực mới do người Việt khai phá ở đầm Trà Ôn, xứ Long Giang, một đồn lính mới được lập gọi là bảo Định Liêu (sau đổi làm huyện thành Quang Hoá).

Hãy cho biết:

– Vùng đất Tây Ninh từ năm 1802 đến năm 1836 trực thuộc những đơn vị hành chính nào.

– Từ khi nào địa danh Tây Ninh với tư cách là một đơn vị hành chính cấp phủ lần đầu tiên có tên trên bản đồ hành chính Việt Nam.

2. Tình hình kinh tế

a) Nông nghiệp

Nhà Nguyễn ban hành những chính sách khai hoang rất hiệu quả nên ngày càng có nhiều lưu dân người Việt đến cư trú tại vùng đất Tây Ninh trong những năm giữa thế kỉ XIX. Đặc biệt, vào năm 1815, triều đình Huế đã cho mở con đường từ phía tây Gia Định (thành Bát Quái) đi sang Cao Miên qua địa phận của 2 đạo Quang Phong, Quang Hoá[1]. Con đường này còn gọi là "con đường Sứ", hay "con đường Cống sứ". Việc mở con đường này đã có tác động rất lớn đến công cuộc khai khẩn vùng đất Tây Ninh.

Từ năm 1841 đến năm 1847, với nhiều chính sách tăng cường an ninh khu vực biên giới và khuyến khích khai hoang, lưu dân người Việt đến khai khẩn, định cư ở Tây Ninh ngày càng đông đúc, vùng đất này ngày càng phồn thịnh hơn. Thời kì này, triều đình Huế còn sử dụng lực lượng quân phạm vào việc khẩn hoang, lập đồn điền ở phía Nam.

Em có biết

Phủ Tây Ninh lúc bấy giờ được coi là nơi đất rộng, dân cư thưa thớt. Do đó, triều đình đã giao giải phạm nhân từ các tỉnh Vĩnh Long, Hà Tiên cho tỉnh Gia Định để chuyển tới Tây Ninh sung vào đội quân khai hoang, lập đồn điền. Những người làm nô dịch cũng được sung vào vào các sở đồn điền canh tác và được giao cho các binh lính đóng giữ ở đây quản thúc. Các tổ đội quân đồn điền được cấp trâu, nông cụ, được khuyến khích khẩn hoang để mở rộng diện tích. Vì vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng này đã khai khẩn được 360 mẫu ruộng ở cả huyện Quang Hoá và Tân Ninh[2].

Trên thực tế, công cuộc khẩn hoang bắt đầu từ cuối thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX, "dọc sông Vàm Cỏ Đông, Trảng Bàng,... nền nông nghiệp trồng lúa chiếm vị trí hàng đầu". Ngoài trồng lúa, lưu dân ở đây còn biến vùng rừng rú rậm rịt thành "những cánh đồng trồng dâu, trồng mía". Thành công của các lưu dân thời khẩn hoang trên lĩnh vực nông nghiệp đã làm cho các kĩ sư phương Tây phải thừa nhận "về nghệ thuật tưới nước vào miền khô khan và tháo nước ở các miền nước đọng, người Việt là một bậc thầy".[3]

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, NXB Thuận Hoá, Huế, 2006, trang 265.

[2] Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 6, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, trang 575.

[3] Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Tây Ninh, *Tây Ninh 180 năm hình thành và phát triển (1836 – 2016)*, Công ty Cổ phần In Hoàng Lê Kha, Tây Ninh, 2016, trang 19.

b) Thủ công nghiệp

Trên cơ sở kinh tế nông nghiệp phát triển, đã có rất nhiều nghề thủ công cũng khởi phát ở Tây Ninh như: nghề dệt, nhuộm, mộc, gốm, đan lát, rèn sắt, ép mía, nấu đường, ép dầu phộng, nghề chằm nón, nghề làm thuốc rê,... Trong đó, nghề đan lát và nghề mộc được phát triển mạnh nhất. Một số thợ thủ công đã trở thành chuyên nghiệp và tách khỏi nông nghiệp. Các sản phẩm của nghề thủ công làm ra lúc bấy giờ đã đáp ứng được nhu cầu lớn của lưu dân khẩn hoang về đồ gia dụng, dụng cụ sản xuất, phương tiện đi lại, vận chuyển. Nghề rèn chủ yếu làm cuốc, cày, rựa,...; nghề mộc chủ yếu đóng ghe, thuyền, xe bò, xe ngựa,...

? Em có biết

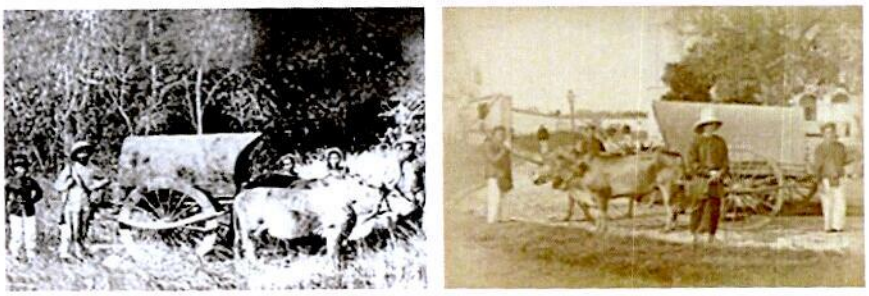
Ở Tây Ninh rất thuận lợi để cây bàng sinh sôi, nảy nở và việc đan đệm, bao bàng sớm trở thành một nghề gắn bó thân thiết trong đời sống kinh tế của cư dân ở đây. Với sợi bàng, người thợ đã tạo ra nhiều loại sản phẩm như: đệm nằm (đệm trải giường, đệm trải ván, đệm manh, nóp,...), đệm phơi (lúa, bắp, đậu,...), bao bàng (đựng gạo, muối, đường,...) và đánh võng. Các tấm đệm bàng được đan bằng sợi nhuyễn có nhiều mô típ trang trí (miếng chả, con lươn, chữ "gia đình hạnh phúc",...), trở thành vật dụng trang trọng trong gia đình.

c) Thương nghiệp

Đường sá giao thông được sửa sang, phát quang mở rộng và làm thêm con đường nối liền với xứ Bông Nguyên, Thông Bình của tỉnh Định Tường. Một trường sở giao dịch được chọn đặt nơi đây để cho người Việt, người Chăm, người Khơ-me và người Hoa trao đổi hàng hoá, mở rộng buôn bán, tạo thành những khu chợ sầm uất ở nơi đây.

? Em có biết

Trong điều kiện lưu thông, đi lại ở Tây Ninh nói riêng và miền Đông Nam Bộ nói chung, chiếc xe bò (trâu) với hai con bò (trâu) kéo trở thành phương tiện di chuyển phù hợp ở các dạng địa hình và nghề đóng xe bò – xe thùng từ lâu đã là nghề nghiệp khá phổ biến trong cư dân Tây Ninh.



Hình 5. Xe bò ở Tây Ninh (1887)
(Nguồn: Ảnh tư liệu)

Với những chính sách tích cực của triều đình Huế, vùng đất Tây Ninh đã được khai hoang mở rộng hơn, nhiều cụm dân cư đông đúc được hình thành ven sông Vàm Cỏ Đông.

Em hãy:

– Cho biết những chính sách khai hoang hiệu quả của nhà Nguyễn để thu hút lưu dân người Việt đến cư trú tại vùng đất Tây Ninh trong nửa đầu thế kỉ XIX.

– Kể tên các nghề thủ công phát triển ở vùng đất Tây Ninh dưới Triều Nguyễn.

3. Tình hình văn hoá, xã hội

a) Văn hoá

Giáo dục

Toàn bộ hệ thống giáo dục và thi cử được chấn chỉnh lại. Các khoa thi được tổ chức đều đặn. Riêng ở Nam Kỳ lục tỉnh, từ năm 1813 đến năm 1864, trường Gia Định đã tổ chức 22 khoa thi Hương, lấy đỗ 296 vị cử nhân. Lúc này, tuy học vị trạng nguyên đã bị bãi bỏ nhưng nhà Nguyễn lại đặt thêm một học vị mới, đó là phó bảng.

Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân. Toàn tỉnh chỉ có ba trường tiểu học hoàn chỉnh với khoảng 400 học sinh, hầu hết là con em của tầng lớp trên, ở xã chỉ có một lớp vỡ lòng hoặc lớp một nhưng xã có, xã không. Vài ba xã mới có chung một trường dạy lớp ba. Do vậy, con em nhân dân lao động hầu như chịu cảnh mù chữ hoặc chỉ biết đọc, biết viết.

Văn học

Từ đầu thế kỉ thứ XVIII, văn học dân tộc đã có một loạt biến chuyển rất lớn. Văn học chữ Hán vẫn tiếp tục duy trì nhưng văn học chữ Nôm được đề cao và có nhiều tác phẩm lớn có giá trị nghệ thuật và tư tưởng sâu sắc. Một loạt thi xã mới đã xuất hiện ở Nam Bộ, đó là: Chiêu Anh Các, Bình Dương Thi Xã (hay Sơn Hội) và Bạch Mai Thi Xã.

Nghệ thuật

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc dân gian thể hiện tập trung trong việc xây dựng các đình, chùa, đền miếu,... Tại Tây Ninh, nhiều đình chùa được xây dựng dưới thời Nguyễn vẫn còn tồn tại đến ngày nay, thể hiện bản sắc văn hoá, nghệ thuật dân tộc sâu sắc.



Hình 6. Đình Hiệp Ninh (thành phố Tây Ninh)
(Nguồn: Ảnh tư liệu)

Tôn giáo

Thời Nguyễn, nhà nước ra sức đề cao và bảo vệ Nho giáo, tiến hành chấn hưng Nho giáo và Phật giáo. Trong đời sống tôn giáo, Thiên Chúa giáo thường bị bài xích. Tuy nhiên, đến khoảng cuối thế kỉ XIX, tôn giáo này được phát triển ổn định và trở thành một tôn giáo lớn ở Việt Nam.

Cùng với sự hiện diện của các cộng đồng dân cư trên vùng đất Tây Ninh, những tôn giáo gắn liền với các cộng đồng dân cư đó cũng hình thành như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo,...

Phật giáo du nhập vào Tây Ninh cùng với cư dân người Việt, gắn liền với quá trình khai hoang lập ấp, làm ăn sinh sống. Nhiều vị công thần sau khi dẹp giặc xong lui về lập chùa tu niệm, nguyện cầu cho quốc thái, dân an. Phật giáo gần gũi với nhân dân địa phương, rất nhiều người đi chùa vào các ngày lễ Phật, các ngày rằm quan trọng trong năm mặc dù họ không phải là tăng ni, Phật tử. Phật giáo ở Tây Ninh có hai dòng chính: dòng Tiểu thừa (Nam Tông) và dòng Đại thừa (Bắc Tông).

Thiên Chúa giáo đến với vùng đất Tây Ninh sớm nhất vào năm 1837 tại Tha La (nay thuộc khu phố An Hội, phường An Hoà, thị xã Trảng Bàng) do linh mục Cô-xi-mô Nguyễn Hữu Trí đứng đầu. Từ năm 1861, với cơ sở đầu tiên là họ đạo Tha La do một số linh mục lập ra, Thiên Chúa giáo đã phát triển mạnh, mở rộng ảnh hưởng ra các điểm lân cận, hình thành thêm một số họ đạo ở thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), quận Gò Dầu (nay là huyện Gò Dầu) và những nơi khác.

Hồi giáo du nhập vào Tây Ninh gắn với quá trình định cư của người Chăm ở Tây Ninh từ giữa thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. Vì căm phẫn sự ngược đãi của vua Chân Lạp nên 5 000 người Chăm (tức người Côn Man) đã quy thuận Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (năm 1755) và theo Ký lục Nguyễn Cư Trinh đến Tây Ninh, họ sống tập trung ở khu vực chân núi Bà Đen[1]. Đến đầu thế kỉ XIX, đã có thêm những lớp di dân người Chăm theo Hồi giáo đến định cư ở Tây Ninh.

b) Xã hội

Vùng đất Tây Ninh có rất nhiều dân tộc cùng sinh sống, trong đó chiếm số đông hơn cả là người Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,... Các cư dân nơi đây cùng giữ gìn, xây dựng và phát triển vùng đất ngày càng phồn thịnh. Đồng bào các dân tộc sinh sống với nhau đoàn kết, cùng chinh phục thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm, chống mọi chính sách chia rẽ của kẻ thù.

Xã hội Tây Ninh gồm những tầng lớp cơ bản: Tầng lớp thống trị gồm quan lại và địa chủ phong kiến, nắm trong tay quyền lực và ruộng đất. Tầng lớp bị trị là nông dân và tá điền, họ là lực lượng chủ yếu làm ra của cải vật chất nhưng phải chịu sưu thuế nặng nề. Ngoài ra, còn có thương nhân và thợ thủ công nhưng chiếm số lượng không đáng kể.

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, trang 164.

Em có biết

Đình thần Phước Hội được xem là nơi ghi dấu văn hoá – lịch sử của nhân dân Tây Ninh trong thời kì khai hoang, lập ấp ở vùng đất này. Đình thần Phước Hội được xây dựng vào đầu thế kỉ XIX, ngày nay toạ lạc tại ấp Phước Hội, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu.

Ngôi đình do nhân dân xây cất để thờ hai vị thần – một vị thần do nhân dân tôn thờ là ông Đào Văn Chữ và một vị thần do triều đình sắc phong là ông Phạm Văn Điểng. Cả hai ông đều là người có công khai hoang, lập ấp, di dân chống giặc bảo vệ nhân dân, khi qua đời được nhân dân tưởng niệm thờ cúng tại đình. Hằng năm, nhân dân tổ chức lễ cúng đình thần Phước Hội vào ngày 15, 16 – 8 âm lịch.



Hình 7. Đình thần Phước Hội (huyện Dương Minh Châu)
(Nguồn: Ảnh tư liệu)



Hình 8. Lễ cầu bông ở đình thần Phước Hội (huyện Dương Minh Châu)
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội*)*

Hãy trình bày tình hình văn hoá, xã hội ở Tây Ninh dưới Triều Nguyễn.



Luyện tập

1. Hoàn thành bảng liệt kê về những sự kiện lịch sử tiêu biểu trong buổi đầu khai hoang lập ấp tại tỉnh Tây Ninh theo mẫu dưới đây vào vở:

STT	Sự kiện lịch sử
1	?
2	?
3	?
4	?

2. Hoàn thành bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của vùng đất Tây Ninh dưới Triều Nguyễn theo mẫu dưới đây vào vở:

Chính trị	Kinh tế	Văn hoá – xã hội
?	?	?



Vận dụng

1. Vì sao đến thế kỉ XVII vùng đất Tây Ninh có nhiều lưu dân vào định cư?

2. Sưu tầm hình ảnh về công trình tôn giáo của người Chăm theo Hồi giáo đang sinh sống tại tỉnh Tây Ninh.

BÀI 2 TÂY NINH TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

Mục tiêu

- Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ và Tây Ninh;
- Trình bày được phong trào chống thực dân Pháp tiêu biểu tại Tây Ninh;
- Nêu được tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tại Tây Ninh.

Khởi động

Đọc hai câu ca dao dưới đây:

"Bao giờ lúa trổ bông năng
Rừng Tân Biên hết lá ta mới hàng giặc Tây".

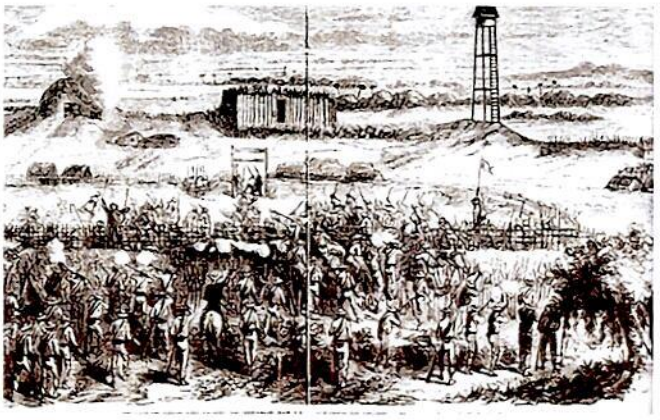
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, 2021)

Hãy cho biết ý nghĩa của hai câu ca dao trên.

Khám phá

I. QUÁ TRÌNH THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC NAM KỲ VÀ TÂY NINH

Ngày 1 – 9 – 1858, khoảng 3 000 quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng tấn công vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), quân dân Đà Nẵng chiến đấu quyết liệt. Đến tháng 2 – 1859, quân Pháp kéo vào Gia Định. Tháng 8 – 1860, Nguyễn Tri Phương được vua Tự Đức cử vào Gia Định nhận chức Thống đốc Quân vụ đại thần, tổ chức xây dựng phòng tuyến Đại đồn Chí Hoà để đánh Pháp.



Hình 1. Pháp tấn công phòng tuyến có đài quan sát ở Đại đồn Chí Hoà
(Nguồn: Ảnh tư liệu)

Đêm 23 – 2 – 1861, quân Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào Đại đồn Chí Hoà. Quân ta kháng cự quyết liệt nhưng không thắng nổi hoả lực của địch, Đại đồn Chí Hoà thất thủ.

Pháp tiếp tục mở rộng cuộc chiến ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đánh chiếm Trảng Bàng, Tây Ninh. Nhân dân địa phương cùng nhau đứng lên chống giặc Pháp khiến chúng khốn đốn.

Tại Gia Định, phong trào kháng chiến của nhân dân diễn ra khắp nơi. Ngày 10 – 12 – 1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông làm cho quân Pháp khiếp sợ. Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo đánh thực dân Pháp ở các tỉnh Nam Kỳ làm cho quân Pháp khốn đốn.

Ngày 5 – 6 – 1862, triều đình Huế kí với Pháp bản *Hiệp ước Nhâm Tuất*. Sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) vào năm 1862 và ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) vào năm 1867, Nam Kỳ lục tỉnh trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Nhân dân các tỉnh Nam Kỳ nêu cao tinh thần quyết tâm chống thực dân Pháp, nổi lên khởi nghĩa khắp nơi. Các trung tâm kháng chiến được thành lập ở: Đồng Tháp Mười, Tây Ninh, Bến Tre,...



Hình 2. Dinh Thống đốc Nam Kỳ đầu tiên
(Nguồn: Iconographie historique de l'Indochine)

? Em có biết

Đại đồn Chí Hoà là một công sự lớn nằm bên đường thiên lí, được xây dựng trong giai đoạn kháng Pháp 1859 – 1861. Đại đồn được xây dựng từ tháng 8 – 1860 đến tháng 2 – 1861 thì hoàn thành. Tôn Thất Hiệp chỉ huy 1 000 lính – quân trong làng Chí Hoà cũ, cách Sài Gòn 5 km về phía tây. Ông cho dựng 3 đồn: đồn Tiền trên đường đi Tây Ninh và đồn Hữu, đồn Tả, cách nhau 400 m.

Tháng 8 – 1860, Nguyễn Tri Phương được cử vào Gia Định thay Tôn Thất Hiệp tiếp tục huy động dân binh củng cố, hoàn thiện Đại đồn Chí Hoà trở thành một công trình phòng thủ kiên cố. Các phòng tuyến này nằm trên con đường thiên lí (nay là đường Cách mạng tháng Tám, Thành phố Hồ Chí Minh), dày 3 m, chiều cao 2,5 m, trang bị súng đại bác. Ở giữa được bảo vệ bởi một hào luỹ chia trại ra làm hai, đồn Trung làm bộ chỉ huy và xung quanh là kho tiếp tế, nơi ở của các quan và binh lính. Kho thuốc súng nằm giữa đồn Trung và đồn Tiền. Phía sau về phía Bà Quẹo, có hai đồn bảo vệ là đồn Tiền và Tả Hậu[1].

[1] Hội Nghiên cứu Đông Dương (Nguyễn Nghị, Nguyễn Thanh Long dịch), *Chuyên khảo về tỉnh Gia Định*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, trang 154, 158.

Hãy cho biết tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta tại Gia Định từ năm 1859 đến năm 1862.

II. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TIÊU BIỂU TẠI TÂY NINH

Từ khi thực dân Pháp tấn công, các cuộc khởi nghĩa của quân và dân Tây Ninh đã diễn ra rất sôi nổi. Tiêu biểu có cuộc khởi nghĩa do ông Đặng Văn Tòng chỉ huy, địa bàn hoạt động chủ yếu là vùng Trảng Bàng. Tiếp đó là cuộc khởi nghĩa của Tri phủ Khâm Tấn Tường, ông đã chống lại lệnh bãi binh của triều đình, rút lực lượng của mình về An Cơ, đồng thời chiêu mộ nghĩa quân, tổ chức xây dựng thành An Cơ chống thực dân Pháp.

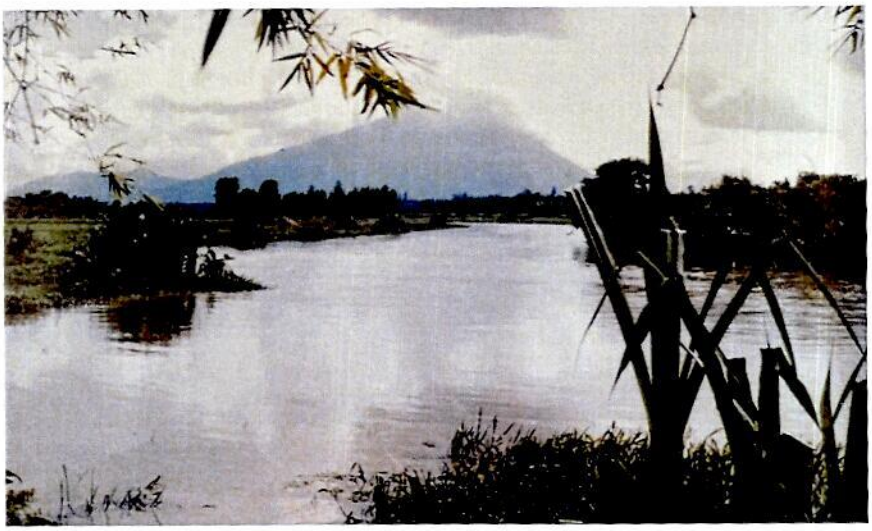
Trong quân ngũ của Tri phủ Khâm Tấn Tường còn có nhiều lãnh binh chống thực dân Pháp vô cùng oanh liệt. Tiêu biểu là Lãnh binh Két. Nhân dân ở Trảng Bàng và Bến Cầu truyền tụng nhiều về chuyện Lãnh binh Két đánh Pháp, nghĩa quân của Lãnh binh Két thường trú ẩn ở rừng đến đêm tấn công các đồn giặc Pháp. Ông đưa quân bám sát và theo dõi các đồn quân Pháp, khi thấy sơ hở lập tức điều quân bất thần đột kích vào đồn, phóng hoả đốt đồn và dùng gươm giáo, mũi tên tẩm thuốc độc tiêu diệt quân Pháp và sau đó rút lui nhanh về rừng rậm. Khi giặc Pháp tập trung truy lùng, Lãnh binh Két cho quân phân tán thành nhiều nhóm nhỏ lẫn trong dân. Ông cùng nghĩa quân đã nhiều lần tập kích vào các đồn giặc đóng lẻ tẻ ở Gò Dầu, Trảng Bàng,... gây cho chúng không ít tổn thất về vật chất và sinh mạng. Sau khi Lãnh binh Két mất, nghĩa quân của ông cũng tan rã.



Hình 3. Miếu thờ Lãnh binh Két ở bảo Định Liêu
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội*)*

Cuộc khởi nghĩa của Trương Quyền[1] diễn ra từ năm 1864 – 1867, ông cùng nghĩa quân đánh thực dân Pháp nhiều trận ở rạch Vịnh, Trà Vong, Trảng Bàng, Củ Chi, Hóc Môn, Thuận Kiều, Tân An,... Ông lập căn cứ ở Băng Dung (nay thuộc xã Phước Vinh, huyện Châu Thành) và liên kết với nghĩa quân Pu-côm-pô (người Cam-pu-chia) để đánh thực dân Pháp.

Sau thời gian chuẩn bị lực lượng, năm 1866, Trương Quyền chỉ huy trận đánh thực dân Pháp ở đồn Cầu Quan. Hai bên giao tranh tại Bến Trường Đổi (cách Cầu Quan trên 1 km), viên Đại uý Đồn trưởng Sa-vanh Đờ Lác-cơ-lô-dơ (Savin de Larclauze) và Thiếu uý La-sa (Lesage) đều tử trận, số lính Pháp còn lại rút chạy về đồn Cầu Quan.



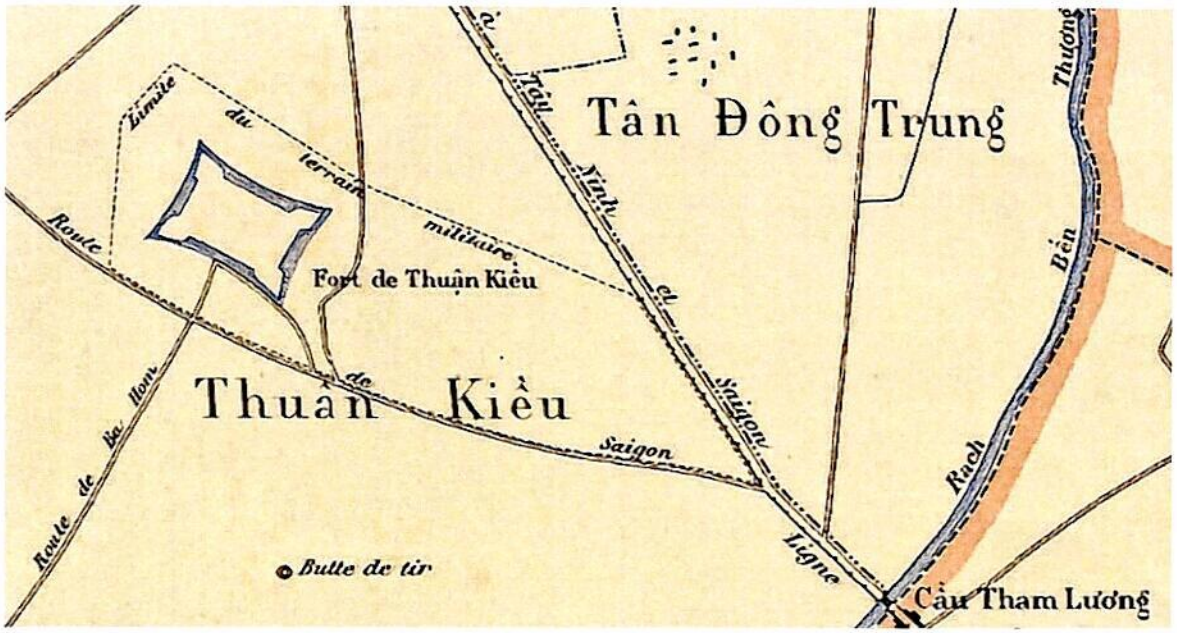
Hình 4. Bến Trường Đổi – nơi Lác-cơ-lô-dơ bị giết chết

(Nguồn: Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Tây Ninh, *Tây Ninh 180 năm hình thành và phát triển (1836 – 2016)*, Công ty Cổ phần In Hoàng Lê Kha, Tây Ninh)

Quan binh Pháp ở Tây Ninh hoảng sợ, cấp báo về Gia Định xin viện binh. Thiếu tá Mác-se-dơ (Marchaise) đưa quân từ Sài Gòn lên cứu nguy ở Tây Ninh. Đến ngày 14 – 6 – 1866, chúng đụng độ nghĩa quân Trương Quyền tại rạch Vịnh, Thiếu tá Mác-se-dơ tử trận, quân Pháp thất trận và phải mở đường máu chạy về đồn Tây Ninh.

Bất thần đêm 23 – 6 – 1866, Trương Quyền đưa quân tấn công vào Sài Gòn theo hai cánh: Cánh quân thứ nhất do Trương Quyền trực tiếp chỉ huy đột nhập vào vùng Chợ Lớn, thọc sâu vào đồn Thuận Kiều, đánh giáp lá cà tiêu diệt nhiều quân Pháp; cánh quân thứ hai thọc sâu vào Hóc Môn – Bà Điểm, tấn công vào quân Pháp đồn trú tại đây. Quân Pháp từ Gia Định, Gò Vấp lên tiếp viện, nghĩa quân đánh nhau với quân Pháp tới sáng rồi mới rút về Củ Chi.

[1] Trương Quyền (1844 – 1871), người làng Gia Thuận, huyện Tân Hoà, phủ Hoà Thạnh (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), là con trai của Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định. Trương Quyền đã dấy binh đánh Pháp trên vùng đất Gia Định, Biên Hoà, Định Tường,...



Hình 5. Nơi đóng đồn Thuận Kiều
(Nguồn: Nhiều tác giả, *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội)

"Cuộc tập kích của nghĩa quân Trương Quyền làm chấn động cả Gia Định, nhất là chiến thắng ở đồn Thuận Kiều đã làm cho quân Pháp tổn thất lớn"[2]. Sau chiến thắng đồn Thuận Kiều, Trương Quyền cho nghĩa quân rút về Tây Ninh, phối hợp với nghĩa quân Pu-côm-bô tiếp tục chống Pháp.

Giữa tháng 7 – 1866, quân Pháp từ Sài Gòn tăng viện cho Tây Ninh và tấn công vào rạch Vịnh. Quân Pháp chiếm ưu thế. Trong tình thế bất lợi, Pu-côm-bô quyết định phân tán nhỏ lực lượng để tránh mũi nhọn tấn công của giặc Pháp rồi rút về Cam-pu-chia. Liên quân Trương Quyền – Pu-côm-bô tan rã.

Tiếp theo nghĩa quân Trương Quyền còn có các tổ chức yêu nước khác như: Thiên Địa hội do ông Hồ Văn Chư đứng đầu ở An Tịnh, Trảng Bàng; ông Nguyễn Văn Phát ở An Hoà và nhiều vị khác ở Gia Bình, Vàm Trảng,... nổi lên hoạt động, nhưng không thu được kết quả gì đáng kể.

Các phong trào kháng chiến chống Pháp kiên cường của nhân dân Tây Ninh diễn ra ngay từ khi thực dân Pháp vừa đặt chân đến Tây Ninh, nó minh chứng cho truyền thống yêu nước, bất khuất của các cộng đồng cư dân nơi đây. Cuộc chiến đấu oanh liệt của nghĩa quân Đặng Văn Tòng, Khâm Tấn Tường, Lãnh binh Két, Trương Quyền,... đã làm cho quân Pháp không bao giờ yên trên vùng đất Tây Ninh.

[2] Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, *Địa chí Tây Ninh*, Công ty Cổ phần In Hoàng Lê Kha, Tây Ninh, 2006, trang 203.

Em có biết

Lãnh binh Tòng có tên là Đặng Văn Tòng. Quê ông ở Bình Định, theo cha vào Nam, định cư ở Bình Dương, sau qua Trảng Bàng sinh sống. Tại đây, ông cùng các dòng họ khác lập nên làng Gia Lộc (nay thuộc thị xã Trảng Bàng).

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Lãnh binh Tòng đã điều binh ra chống Pháp. Năm 1861, ông đưa gần 300 quân đến chi viện cho đồn Chí Hoà. Quân của Lãnh binh Tòng phải vượt qua các chốt chặn của địch ở Hóc Môn, Bà Điểm, Bà Quẹo và bị tiêu hao một nửa số quân, số quân còn lại đến được Đại đồn tham gia chiến đấu. Sau khi quân Pháp phá được Đại đồn Chí Hoà, Lãnh binh Tòng tập hợp số quân còn lại rút về Trảng Bàng.

Quân Pháp tiến đánh Trảng Bàng, quân của Lãnh binh Tòng kháng cự quyết liệt, nhưng binh lực ít, tuyến phòng thủ ngoài xa của ông chỉ chống giữ được trong một ngày đã bị quân Pháp phá vỡ; nghĩa quân của ông rút vào Tha La (An Hoà, Trảng Bàng). Tại đây, ông phát hịch chiêu mộ quân đánh Pháp. Nhưng hai ngày sau thì bị lộ, Lãnh binh Tòng bị rơi vào tay quân Pháp.

Thực dân Pháp đưa ông về Sài Gòn và dụ dỗ ông về quy thuận nhưng không thành công, nên đã đày ông đi biệt xứ đến đảo Guy-a-na (Guyana) (thuộc Pháp), sau một thời gian, ông mất tại đây.

Hãy kể tên một số nhân vật tiêu biểu trong phong trào chống thực dân Pháp tại Tây Ninh.

III. TÁC ĐỘNG TỪ CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP TẠI TÂY NINH

1. Về địa giới hành chính

Sau khi hoàn thành công cuộc bình định trên toàn lãnh thổ Việt Nam về mặt quân sự, thực dân Pháp đã tiến hành phân chia lại địa giới hành chính trên vùng đất Tây Ninh như sau:

Năm 1897, hạt Tây Ninh có 2 quận là Thái Bình và Trảng Bàng với 10 tổng và 50 làng.

Ngày 20 – 12 – 1899, chính quyền thực dân Pháp ban hành Nghị định đổi các hạt, tiểu khu trong các khu hành chính ở Nam Kỳ và tại các vùng thuộc sở hữu của Pháp ở Đông Dương thành tỉnh, bắt đầu từ ngày 1 – 1 – 1900.

Ngày 1 – 1 – 1900, Toàn quyền Pôn Đu-me (Paul Domer) cho áp dụng Nghị định kí ngày 20 – 12 – 1899 gọi các khu tham biện là tỉnh và phân 20 tỉnh vào ba miền. Miền Đông có 4 tỉnh, trong đó có Tây Ninh.

2. Về kinh tế

Sau khi thiết lập bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt tay vào việc vơ vét, khai thác tài nguyên của Tây Ninh. Nguồn lợi thiên nhiên chủ yếu của Tây Ninh lúc bấy giờ là lâm sản.

Những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, nền kinh tế Tây Ninh xuất hiện một số cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như: xưởng chế biến mía đường Thanh Điền, nhà máy đèn, nhà máy nước, cơ sở xay xát gạo, trại cưa, lò rèn, lò gốm, lò than, ép mía, bọng ép dầu,... Theo đó, bắt đầu xuất hiện một lực lượng xã hội mới là công nhân làm thuê, lúc đầu số lượng không nhiều, có khoảng trên dưới 1 000 người, trong đó hơn 2/3 là bán nông.

3. Về văn hoá

Cùng với việc vơ vét và bóc lột kinh tế, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách ngu dân, đầu độc văn hoá. Toàn tỉnh Tây Ninh chỉ có ba trường tiểu học hoàn chỉnh với khoảng 400 học sinh (hầu hết là con em của tầng lớp trên). Ở xã, chỉ có một lớp vỡ lòng hoặc lớp một. Vài ba xã mới có chung một trường dạy lớp ba. Do vậy, con em của nhân dân lao động hầu như chịu cảnh mù chữ hoặc chỉ biết đọc, biết viết.

Chính quyền thực dân còn khuyến khích các tệ nạn như: rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan trong nhân dân.

4. Về xã hội

Thực dân Pháp bao chiếm nhiều đất đai, lập các đồn điền cao su. Năm 1906, Công ty cao su Đông Dương (S.I.P.H) được thành lập. Công ty này lập ra đồn điền cao su Bến Củi. Công ty cao su Tây Ninh thành lập năm 1913, kinh doanh đồn điền cao su ở Tây Ninh với các đồn điền cao su: Vên Vên, Trà Võ, Hiệp Thạnh, Cầu Khởi. Từ đó, xuất hiện công nhân đồn điền cao su. Đội ngũ công nhân cao su bị thực dân Pháp và bọn chủ tư bản bóc lột tàn tệ, mỗi ngày làm việc từ 10 đến 14 giờ, đời sống vô cùng cơ cực.

Vào những năm đầu thế kỉ XX, một số tư sản người Pháp, địa chủ người Việt lập ra nhiều đồn điền cao su lớn, nhỏ trên địa bàn Tây Ninh, kèm theo các xưởng chế luyện cao su.

Ở Tây Ninh, nông dân chiếm trên 95% dân số, là những người trực tiếp khai vỡ đất đai nhưng không được làm chủ mảnh đất của mình, ruộng đất đa phần đều tập trung trong tay bọn địa chủ. Người nông dân Tây Ninh dưới thời Pháp thuộc cũng bị bóc lột hết sức nặng nề thông qua các hình thức thuế khoá rất hà khắc. Chính quyền Pháp đặt ra đủ loại thuế: thuế điền thổ, thuế nhà cửa, thuế trâu bò, thuế môn bài và cả thuế thân (còn gọi là thuế đinh hoặc sưu, loại thuế đánh vào đàn ông từ 18 đến 60 tuổi).

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, xã hội Tây Ninh có sự phân hoá thành các giai cấp rõ rệt. Trong đó, công nhân và nông dân là thành phần chủ yếu, ngoài ra còn có các tầng lớp khác như tư sản, địa chủ, trí thức và tiểu tư sản thành thị.

Em có biết

Theo sử Triều Nguyễn: "Thành đất phủ Tây Ninh ở [huyện] Tân Ninh phủ ấy, chu vi 82 trượng 4 thước 4 tấc, cao 7 thước 2 tấc, ba cửa; hào rộng 4 trượng 5 thước. Đắp năm Minh Mạng thứ 17"[1].

Theo thông tin này thì chu vi thành chỉ ở mức 82 trượng 4 thước 4 tấc, tức khoảng 350 m, suy ra nếu thành có dạng hình vuông thì mỗi cạnh chỉ ở mức 87 m, là khá bé.



Hãy nêu tác động từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp tại Tây Ninh.



Luyện tập

1. Tinh thần đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Tây Ninh nửa sau thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX được thể hiện như thế nào?

2. Dựa vào thông tin trong bài, hãy hoàn thành các nội dung theo bảng mẫu dưới đây vào vở:

STT	Tên cuộc khởi nghĩa	Lãnh đạo
1	?	?
2	?	?
3	?	?
...	?	?



Vận dụng

1. Giới thiệu về một di tích lịch sử tại tỉnh Tây Ninh trong thời kì chống thực dân Pháp.

2. Sưu tầm tranh ảnh, bản đồ về vùng đất Tây Ninh trong thời kì Pháp thuộc.

---

[1] Nội các Triều Nguyễn (Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân dịch), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 13, NXB Thuận Hoá, Huế, 1993, trang 142.

CHỦ ĐỀ 2

ĐỊA LÍ DÂN CƯ TỈNH TÂY NINH

BÀI 1 QUY MÔ, GIA TĂNG DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của dân số và gia tăng dân số tỉnh Tây Ninh;
- Trình bày được cơ cấu dân số tỉnh Tây Ninh.



Khởi động

Trải qua quá trình phát triển, dân số tỉnh Tây Ninh đã có nhiều thay đổi qua từng thời kì. Em có biết hiện nay dân số tỉnh Tây Ninh là bao nhiêu không? Gia tăng dân số của tỉnh Tây Ninh chủ yếu là do gia tăng dân số tự nhiên hay gia tăng dân số cơ học?



Khám phá

I. QUY MÔ DÂN SỐ

Tỉnh Tây Ninh có quy mô dân số vào loại trung bình so với cả nước. Năm 2021, số dân của tỉnh Tây Ninh là 1 181 907 người, chiếm 6,5% số dân vùng Đông Nam Bộ và 1,2% số dân của cả nước.

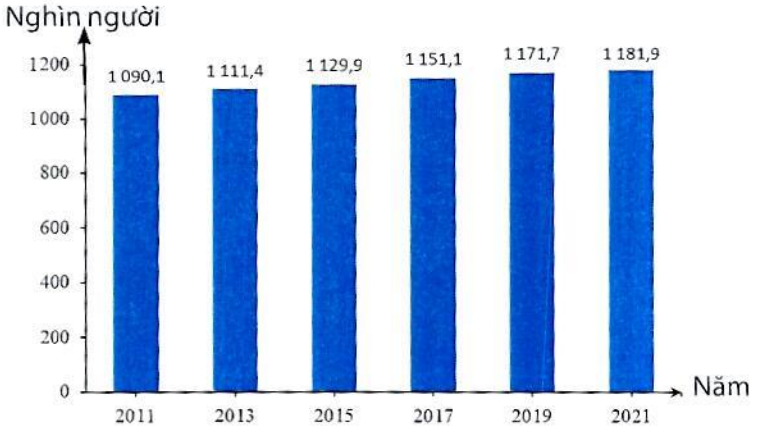
Những địa phương có quy mô dân số đứng đầu theo thứ tự là: thị xã Trảng Bàng, huyện Gò Dầu, huyện Châu Thành, thị xã Hoà Thành, huyện Tân Châu, thành phố Tây Ninh,... Huyện Bến Cầu là địa phương có quy mô dân số nhỏ nhất, chiếm khoảng 6,0% số dân toàn tỉnh.

Bảng 1. Diện tích và số dân của các đơn vị hành chính tỉnh Tây Ninh, năm 2021

STT	Huyện (thành phố, thị xã)	Diện tích (km^2)	Số dân (người)
	Toàn tỉnh	***4 041,6***	***1 181 907***
1	Thành phố Tây Ninh	139,9	135 665
2	Huyện Tân Biên	861,5	103 304
3	Huyện Tân Châu	1 103,2	136 211
4	Huyện Dương Minh Châu	435,6	120 407
5	Huyện Châu Thành	581,0	142 252
6	Thị xã Hoà Thành	82,9	139 047
7	Huyện Gò Dầu	260,0	154 371
8	Huyện Bến Cầu	237,5	70 611
9	Thị xã Trảng Bàng	340,1	180 039

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2022)

Quy mô dân số tỉnh Tây Ninh tăng liên tục trong giai đoạn từ 2011 – 2021, trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng hơn 9 nghìn người. Đây là nguồn cung cấp lực lượng lao động dồi dào, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh.



Hình 1. Quy mô dân số tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Dựa vào Bảng 1, Hình 1 và thông tin trong bài, em hãy:

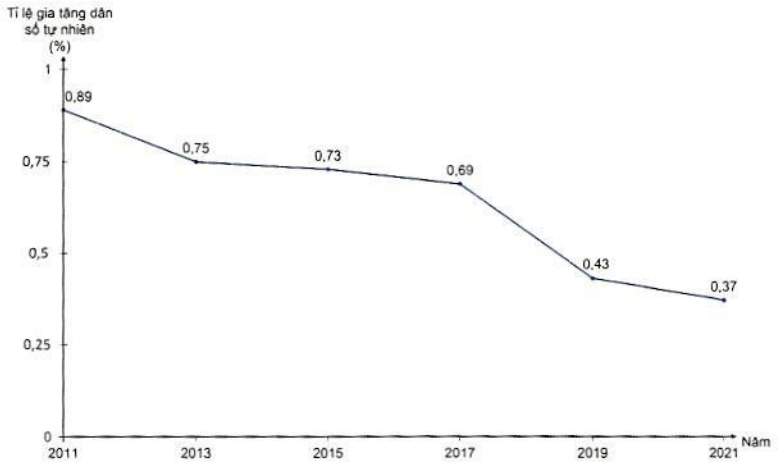
– Cho biết quy mô dân số của tỉnh Tây Ninh năm 2021.

– Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2021.

II. GIA TĂNG DÂN SỐ

Gia tăng dân số của tỉnh Tây Ninh chủ yếu là do gia tăng dân số tự nhiên. Trong giai đoạn 2011 – 2021, tỉ suất sinh thô của tỉnh Tây Ninh có xu hướng giảm từ 16,2‰ (2011) xuống còn 12,2‰ (2021), trong khi tỉ suất tử thô tăng từ 7,2‰ (2011) lên 8,5‰ (2021). Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Tây Ninh ngày càng giảm và luôn ở mức dưới 1%. Năm 2021, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh là 0,37%, thấp hơn so với bình quân cả nước (0,93%).

Mức sinh của tỉnh Tây Ninh đang có xu hướng giảm. Hiện nay, Tây Ninh thuộc nhóm các địa phương có mức sinh thấp của cả nước. Tổng tỉ suất sinh của tỉnh là 1,65 con/ phụ nữ (năm 2021).



Hình 2. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Tây Ninh là tỉnh có số người xuất cư nhiều hơn so với số người nhập cư, gia tăng dân số cơ học âm (-0,6% năm 2020). Người xuất cư chủ yếu là những người trong độ tuổi lao động, từ đó tác động đến nguồn lao động của tỉnh, nhất là lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật.

Dựa vào Hình 2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 – 2021.

– Trình bày đặc điểm gia tăng dân số của tỉnh Tây Ninh.

III. CƠ CẤU DÂN SỐ

1. Cơ cấu dân số theo dân tộc

Theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 22 dân tộc sinh sống, trong đó chủ yếu là người Kinh (chiếm 98,31%). Các dân tộc thiểu số khác chiếm tỉ lệ khá nhỏ, gồm: người Khơ-me (0,7%), người Hoa (0,36%), người Chăm (0,35%)[(1)],... Nhìn chung, các dân tộc sống đoàn kết, cần cù lao động, cùng tham gia đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

2. Cơ cấu dân số theo tuổi

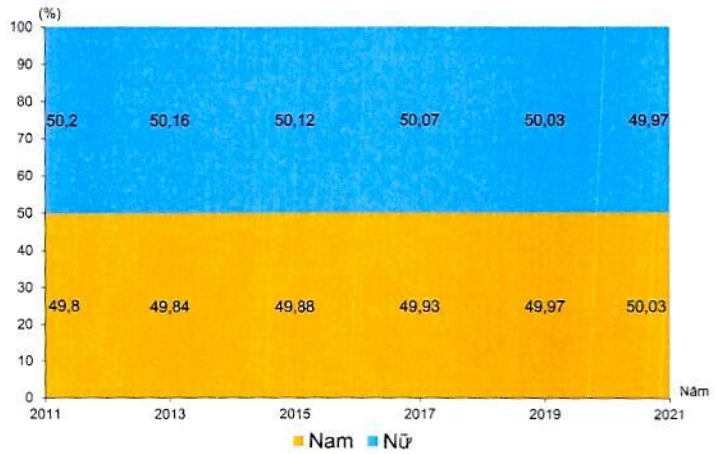
Tỉnh Tây Ninh có cơ cấu dân số trẻ với tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm khá cao. Tỉ lệ dân số từ 0 – 14 tuổi chiếm 21,3%, 15 – 64 tuổi chiếm 71,7%, từ 65 tuổi trở lên chiếm 7,0% (năm 2019). Như vậy, tỉnh Tây Ninh đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng, đây là cơ hội cho phát triển kinh tế – xã hội với nguồn lao động dồi dào, giảm áp lực lên hệ thống giáo dục, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dân số,...

(1) https://baotayninh.vn/dai-hoi-dai-bieu-cac-dan-toc-thieu-so-tinh-tay-ninh-lan-thu-iii-a116603.html

Mặc dù đang trong thời kì dân số vàng nhưng tỉnh Tây Ninh cũng bắt đầu bước vào giai đoạn già hoá dân số khi tỉ lệ người từ 0 – 14 tuổi giảm, trong khi tỉ lệ từ 65 tuổi trở lên đang có xu hướng tăng lên. Điều này đang đặt ra cho địa phương phải tăng cường hệ thống an sinh xã hội dành cho người cao tuổi như bảo hiểm y tế, chế độ trợ cấp xã hội, chế độ chăm sóc sức khoẻ,...

3. Cơ cấu dân số theo giới tính

Năm 2021, dân số nam của tỉnh Tây Ninh là 591,2 nghìn người, chiếm tỉ lệ 50,03%; dân số nữ là 590,6 nghìn người, chiếm tỉ lệ 49,97%. Trong giai đoạn 2011 – 2021, cơ cấu dân số theo giới tính ở Tây Ninh có biến động không đáng kể. Tỉ lệ dân số nữ qua các năm thường cao hơn dân số nam nhưng mức chênh lệch không nhiều, tạo điều kiện thuận lợi trong việc ổn định dân số cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.



Hình 3. Cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Dựa vào Hình 3 và thông tin trong bài, hãy trình bày đặc điểm cơ bản của cơ cấu dân số theo dân tộc, theo tuổi và theo giới tính ở tỉnh Tây Ninh.

Luyện tập

Lập sơ đồ thể hiện cơ cấu dân số theo dân tộc, theo tuổi và theo giới tính của tỉnh Tây Ninh.

Vận dụng

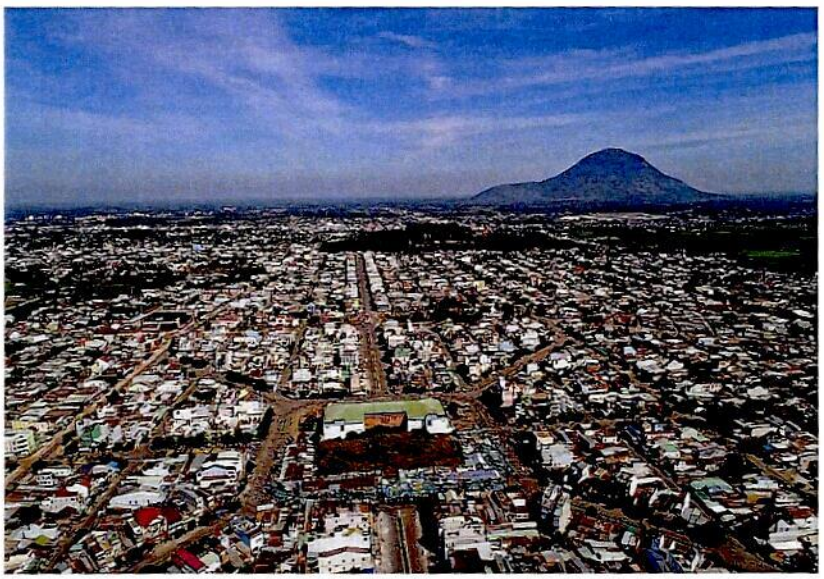
Tìm hiểu thông tin về đặc điểm dân số ở địa phương nơi em đang sinh sống (về quy mô, gia tăng dân số và cơ cấu dân số theo tuổi, theo giới tính,...).

BÀI 2 PHÂN BỐ DÂN CƯ TỈNH TÂY NINH

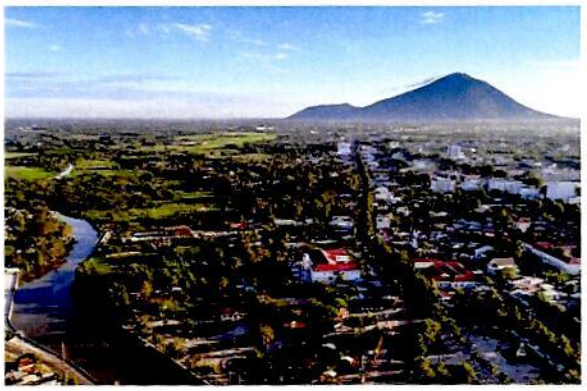
Mục tiêu

Trình bày và phân tích được tình hình phân bố dân cư tỉnh Tây Ninh; ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đến phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Khởi động



Hình 1. Một góc thị xã Hoà Thành
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 2. Một góc thành phố Tây Ninh
(Nguồn: baotayninh.vn)

Quan sát hình 1, hình 2 và cho biết sự phân bố mật độ nhà ở giữa hai hình ảnh trên. Từ đó, em có nhận xét gì về sự phân bố dân cư nơi em đang sinh sống? Đặc điểm phân bố dân cư như vậy có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương em?

Khám phá

I. PHÂN BỐ DÂN CƯ

Bảng 1. Mật độ dân số tỉnh Tây Ninh năm 2021

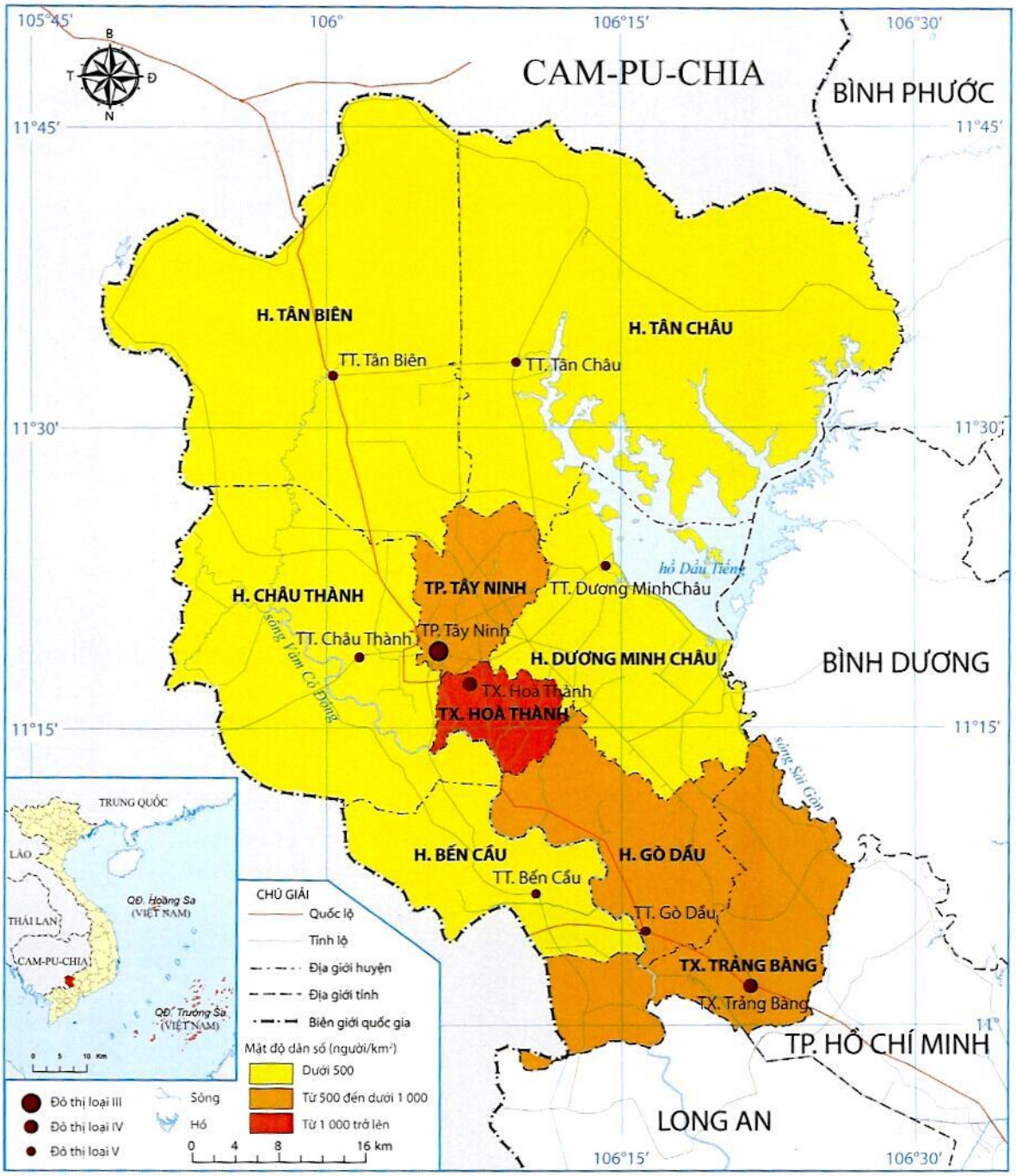
(Đơn vị: người/km²)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Mật độ dân số
	Toàn tỉnh	***292***
1	Thành phố Tây Ninh	969
2	Huyện Tân Biên	119
3	Huyện Tân Châu	123
4	Huyện Dương Minh Châu	276
5	Huyện Châu Thành	244
6	Thị xã Hoà Thành	1 676
7	Huyện Gò Dầu	593
8	Huyện Bến Cầu	297
9	Thị xã Trảng Bàng	529

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2022)

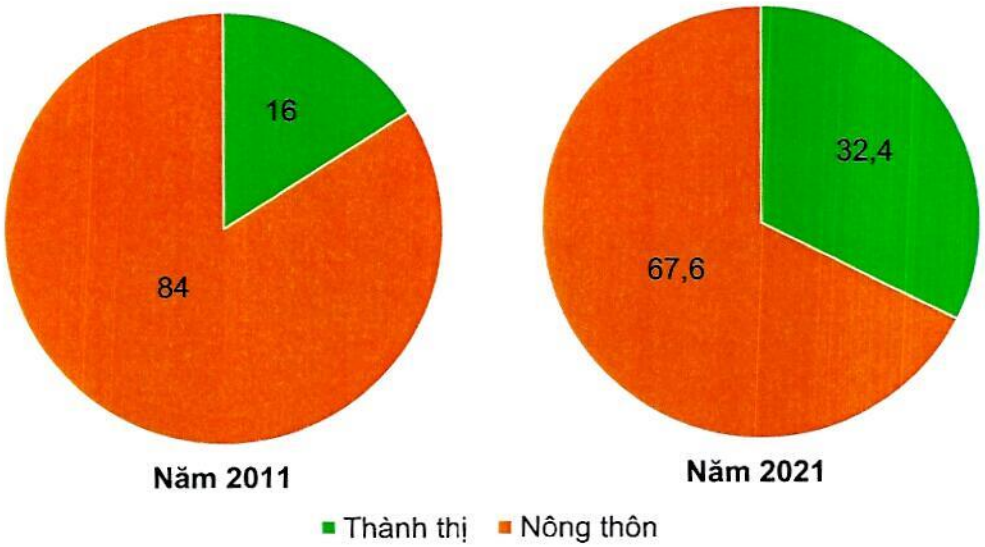
Mật độ dân số tỉnh Tây Ninh là 292 người/km² (năm 2021). Thị xã Hoà Thành là địa phương có mật độ dân số cao nhất, gấp gần 6 lần mật độ dân số trung bình của tỉnh. Ngoài ra, dân cư tập trung đông ở thành phố Tây Ninh, huyện Gò Dầu và thị xã Trảng Bàng với mật độ dân số trên 500 người/km². Trong khi đó, dân cư lại phân bố thưa hơn ở các huyện biên giới như: Tân Biên, Tân Châu, mật độ dân số dưới 200 người/km².

Phân bố dân cư của tỉnh Tây Ninh có sự biến động theo thời gian, phù hợp với quá trình gia tăng dân số của tỉnh. Cụ thể, mật độ dân số của tỉnh có xu hướng tăng dần trong 10 năm gần đây, từ 267 người/km² (năm 2011) tăng lên 292 người/km² (năm 2021).



Hình 3. Bản đồ phân bố dân cư và đô thị tỉnh Tây Ninh, năm 2021
(Nguồn: Tạ Đức Hiếu)

Về phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn, hiện nay tỉ lệ dân cư sống ở thành thị thấp hơn nông thôn. Phân bố dân cư đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ lệ dân nông thôn, tăng tỉ lệ dân thành thị. Do tác động của quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá đang diễn ra mạnh và do thay đổi địa giới hành chính, mở rộng đô thị nên tỉ lệ dân thành thị của tỉnh có xu hướng tiếp tục tăng trong thời gian tới.



Hình 4. Cơ cấu dân số theo thành thị, nông thôn của tỉnh Tây Ninh năm 2011 và 2021 (Đơn vị: %)
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Trong thời gian qua, tỉnh Tây Ninh tăng cường đầu tư phát triển kinh tế – xã hội; thực hiện các chương trình, dự án khai thác tiềm năng đất đai, tài nguyên để phát huy thế mạnh của từng địa phương; tạo việc làm cho người dân ngay tại nơi cư trú, hạn chế việc di dân về trung tâm các thị xã, thị trấn; tạo điều kiện cho người dân nơi khác đến định cư ở các khu dân cư mới và khu công nghiệp, khu chế xuất ở các địa phương, nhờ đó từng bước điều chỉnh sự phân bố dân cư hợp lí trên địa bàn toàn tỉnh.

Dựa vào Bảng 1, Hình 3, Hình 4 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét sự phân bố dân cư theo đơn vị hành chính và theo thành thị, nông thôn của tỉnh Tây Ninh.

– Trình bày tình hình phân bố dân cư của tỉnh Tây Ninh.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA PHÂN BỐ DÂN CƯ ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

Dân cư được xem là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian qua, cùng với lao động địa phương, tỉnh Tây Ninh đã thu hút được một lực lượng dân cư từ các tỉnh, thành phố khác đến, cung cấp lực lượng lao động dồi dào để phát triển kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo thị trường tiêu thụ cho tỉnh.

Tuy nhiên, sự phân bố dân cư chưa hợp lí sẽ gây ra những khó khăn trong khai thác tài nguyên, giải quyết vấn đề lao động, việc làm,... của tỉnh. Dân cư tập trung đông ở các đô thị như: thị xã Hoà Thành, thành phố Tây Ninh sẽ gây sức ép tới phát triển kinh tế – xã hội: nhà ở, giao thông, điện nước, giải quyết vấn đề việc làm, quản lí hành chính và trật tự an ninh đô thị. Đối với môi trường: các chất thải sản xuất và sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường, đô thị hoá làm thay đổi cảnh quan,...



Dựa vào thông tin trong bài, hãy trình bày ảnh hưởng của phân bố dân cư đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Tây Ninh.



Luyện tập

Hoàn thành thông tin về đặc điểm phân bố dân cư của tỉnh Tây Ninh theo bảng dưới đây vào vở:

	Đặc điểm phân bố dân cư
Theo đơn vị hành chính	?
Theo thành thị, nông thôn	?



Vận dụng

Sưu tầm thông tin, hình ảnh và tìm hiểu về tình hình phân bố dân cư ở địa phương em.

BÀI 3 LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM TỈNH TÂY NINH

Mục tiêu

- Nêu được đặc điểm nguồn lao động, tình hình sử dụng lao động ở tỉnh Tây Ninh;
- Phân tích được vấn đề việc làm ở tỉnh Tây Ninh;
- Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở tỉnh Tây Ninh.

Khởi động

Quan sát một số hình ảnh về lao động, việc làm dưới đây và:

- Kể tên các ngành kinh tế mà lao động đang tham gia làm việc tại tỉnh Tây Ninh.
- Nêu những hiểu biết của em về lao động ở tỉnh Tây Ninh.



Hình 1
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 2
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 3
(Nguồn: baotayninh.vn)

Khám phá

I. ĐẶC ĐIỂM NGUỒN LAO ĐỘNG

Tỉnh Tây Ninh có nguồn lao động trẻ và khá dồi dào, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 55,5% số dân toàn tỉnh. Năm 2021, lực lượng lao động ở tỉnh Tây Ninh bao gồm 639 394 người có việc làm và 16 241 người thất nghiệp. Lực lượng lao động đông tạo thuận lợi đáp ứng nhu cầu lao động cho các ngành kinh tế, nhưng cũng gây áp lực lớn trong vấn đề đào tạo nghề và giải quyết việc làm, y tế, nhà ở cho người lao động.

Bảng 1. Lực lượng lao động, tỉ lệ lao động so với tổng số dân và tỉ lệ lao động đã qua đào tạo tỉnh Tây Ninh năm 2015 và 2021

Năm	Lực lượng lao động (nghìn người)	Tỉ lệ lao động trong tổng số dân (%)	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo (%)
2015	643 919	57,9	14,7
2021	655 635	55,5	16,0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, 2017 và 2022)

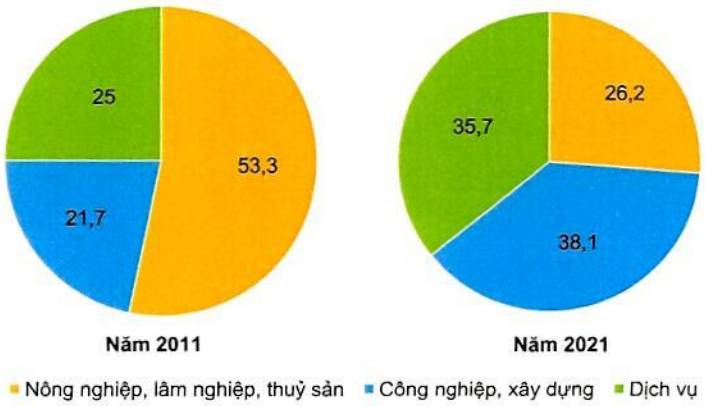
Năm 2021, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh Tây Ninh mặc dù đã có sự cải thiện nhưng vẫn còn thấp, thấp hơn so với mức trung bình của vùng Đông Nam Bộ (28,3%) và cả nước (26,1%). Tỉ lệ lao động nam đã qua đào tạo có trình độ cao hơn so với tỉ lệ lao động nữ (tỉ lệ lao động nam là 18,3%, tỉ lệ nữ đạt 13,0%). Trong thời gian tới, tỉnh Tây Ninh hướng đến phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ và tự động hoá có giá trị gia tăng cao, các ngành kinh tế mũi nhọn như du lịch và nông nghiệp công nghệ cao đòi hỏi phải nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh.

Dựa vào thông tin trong bài, hãy nêu các đặc điểm nguồn lao động tỉnh Tây Ninh.

II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Theo ngành kinh tế

Lao động của tỉnh Tây Ninh làm việc chủ yếu trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; khu vực nông, lâm, thuỷ sản chiếm tỉ trọng lao động thấp nhất. Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế đang có sự chuyển dịch phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Tây Ninh. Tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản đang có xu hướng giảm, tỉ lệ lao động ở khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ đang có xu hướng tăng.

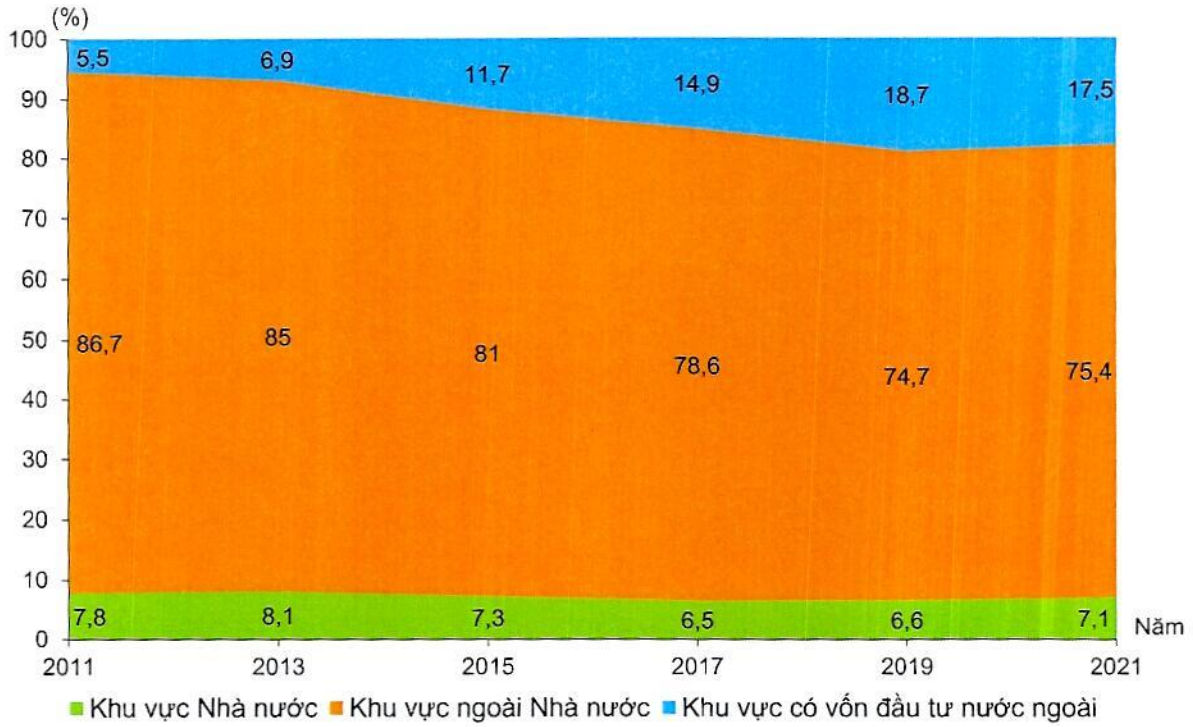


Hình 4. Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế tỉnh Tây Ninh, năm 2011 và 2021 (Đơn vị %)
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Dựa vào hình 4 và thông tin trong bài, hãy trình bày tình hình sử dụng lao động theo ngành kinh tế của tỉnh Tây Ninh.

2. Theo thành phần kinh tế

Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở tỉnh Tây Ninh đang thay đổi theo xu hướng giảm tỉ lệ lao động ở khu vực Nhà nước và khu vực ngoài Nhà nước, tăng tỉ lệ lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Lao động của tỉnh Tây Ninh làm việc trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước là chủ yếu, chiếm tỉ lệ lớn nhất.



Hình 5. Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2011 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Dựa vào hình 5 và thông tin trong bài, hãy trình bày tình hình sử dụng lao động theo thành phần kinh tế của tỉnh Tây Ninh.

3. Theo giới tính và theo thành thị, nông thôn

Nguồn lao động của tỉnh có sự khác biệt theo giới tính và theo thành thị, nông thôn. Năm 2021, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động nam nhiều hơn lao động nữ. Tỉ lệ lao động ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị nhưng đang có xu hướng giảm.

Bảng 2. Cơ cấu lao động phân theo giới tính và phân theo thành thị, nông thôn tỉnh Tây Ninh năm 2015 và 2021

(Đơn vị: %)

Năm	Theo giới tính		Theo thành thị, nông thôn	
	Nam	*Nữ*	*Thành thị*	*Nông thôn*
2015	55,2	44,8	20,9	79,1
2021	55,9	44,0	31,5	68,5

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh, năm 2017 và 2022)

Dựa vào bảng 2 và thông tin trong bài, hãy trình bày tình hình sử dụng lao động theo giới tính và theo thành thị, nông thôn ở tỉnh Tây Ninh.

III. VẤN ĐỀ VIỆC LÀM

Năm 2021, tỉnh Tây Ninh có 639 394 lao động có việc làm, trong đó lao động nam chiếm 55,7% và lao động nữ chiếm 44,3%. Sự đa dạng của các ngành sản xuất đã tạo ra số lượng việc làm lớn, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người dân tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, hiện nay các vấn đề việc làm đã và đang đặt ra sức ép lớn đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh như: tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động cao; lao động có trình độ chuyên môn còn thấp;... Năm 2021, tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở tỉnh Tây Ninh là 2,6%, thấp hơn so với tỉ lệ thất nghiệp chung của cả nước là 3,2%. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị (3,4%) cao hơn nông thôn (2,3%). Tỉ lệ thiếu việc làm toàn tỉnh là 2,03%, trong đó tỉ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn thường cao hơn khu vực thành thị.

Dựa vào thông tin trong bài, hãy trình bày vấn đề việc làm của tỉnh Tây Ninh.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN LAO ĐỘNG, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

Tạo điều kiện, tận dụng mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội, ưu tiên đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm mà tỉnh có thế mạnh.

Xây dựng chương trình, dự án cụ thể phát huy tiềm năng, lợi thế trên từng lĩnh vực, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, phát triển hợp lí một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Tăng cường hoạt động khuyến nông, hỗ trợ doanh nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống như: làng nghề làm bánh tráng; muối ớt; đan lát, mây, tre, nứa;... để giải quyết việc làm phi nông nghiệp cho người lao động ở nông thôn.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Thực hiện xã hội hoá đào tạo nghề, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở dạy nghề hiện có, xây dựng các chương trình dạy nghề phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Đa dạng hoá các hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, chú trọng các đối tượng học sinh các trường trung học phổ thông, đối tượng thanh niên.

Mở rộng các kênh giao dịch trên thị trường lao động thông qua các hệ thống thông tin, quảng cáo, trang tin việc làm trên các báo, đài và tổ chức các sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho các quan hệ giao dịch trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động kí kết các hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật.



Dựa vào thông tin trong bài, hãy nêu các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động và giải quyết việc làm ở tỉnh Tây Ninh.



Luyện tập

Những đặc điểm của nguồn lao động tỉnh Tây Ninh mang đến những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?



Vận dụng

Viết một bài báo cáo ngắn trình bày về đặc điểm lao động và việc làm tại địa phương nơi em đang sinh sống.

CHỦ ĐỀ 3

NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH TÂY NINH



Mục tiêu

- Nhận biết được từ ngữ địa phương và những nét đặc sắc của ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học;
- Phát hiện và sửa lỗi chính tả do ảnh hưởng của ngữ âm địa phương;
- Hiểu được vai trò của từ ngữ địa phương và có ý thức sử dụng hợp lí từ ngữ địa phương trong hoạt động giao tiếp;
- Tôn trọng sự khác biệt giữa ngôn ngữ của các vùng miền.



Khởi động

TRÒ CHƠI "GHÉP CHỮ"

Luật chơi: Ghép các chữ cái theo chiều ngang hoặc chiều dọc để tạo thành một từ có nghĩa. Trong những từ vừa tìm được, hãy chỉ ra một số từ địa phương được sử dụng ở Tây Ninh. Đội nào tìm được nhiều từ địa phương nhất là đội chiến thắng.

N	H	À	T	H	Ư	Ơ	N	G	K
H	Ổ	L	H	U	N	N	Ó	H	I
Ơ	N	Ủ	O	N	G	Q	I	E	Ể
N	G	M	A	T	Ã	U	D	O	N
V	B	Ả	N	R	I	A	Ó	C	G
Â	T	Í	A	Ã	N	D	C	Á	X
T	I	Ề	N	N	H	Ơ	N	T	U
M	Ấ	C	C	Ỡ	E	N	H	R	I
Ầ	T	Ổ	C	H	Ả	N	G	À	L
N	Í	N	K	H	E	N	È	U	Ơ

KHÁI QUÁT VỀ NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TÂY NINH

Ngôn ngữ địa phương là biến thể của ngôn ngữ theo mỗi địa phương, thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm, từ vựng và ngữ nghĩa; được dùng hạn chế ở một số địa phương nhất định. Cùng là tiếng Việt, theo chân của lưu dân đến vùng đất Tây Ninh, tiếp xúc với ngôn ngữ của người Hoa, người Khơ-me,... tiếng Việt ở đây có các đặc điểm như:

– Trên bình diện ngữ âm, đa số người Tây Ninh không phân biệt được thanh "hỏi", thanh "ngã"; âm cuối n/ng, c/t; nguyên âm o/ơ, ươ/u;...

– Trên bình diện từ vựng – ngữ nghĩa, ngôn ngữ Tây Ninh có một số điểm cơ bản sau:

+ Ngôn ngữ địa phương còn giữ lại một lớp từ cổ như: méc (mách), mần (làm), nhơn (nhân), hun (hôn),...

+ Những từ biến âm so với lớp từ vựng chung như: được – đặng, phượng – phụng, cảnh – kiểng, nhân – nhơn, sinh – sanh, bảo – biểu, nhật – nhựt, thật – thiệp, hợp – hiệp, tính – tánh, cương – cang, nghĩa – ngãi/ ngỡi, ơn – ân, miếu – miễu,...

+ Từ ngữ biến âm theo cách rút gọn âm như: ông ấy – ổng, bà ấy – bả, chị ấy – chỉ, anh ấy – ảnh, trên ấy – trển, trong ấy – trỏng, bên ấy – bển,...

+ Sử dụng các ngữ khí từ đặc thù như: hả, hén, nghe, nghen, nè, vầy, hoài hoài,...

+ Từ láy mang sắc thái địa phương, có khả năng gợi cảm, gợi tả như: tèng heng, linh đinh, lông phông, thanh thao, lưa cưa, liềng xiềng, chần vần, quặn quịu,...



Văn bản 1

PHƯƠNG NGỮ VÙNG ĐẤT TRẢNG BÀNG [1]

Vương Công Đức

Đọc văn bản

Đại đa số cư dân Trảng Bàng có nguồn gốc từ miền Ngũ Quảng[2], nên ngôn ngữ bình dân của người dân xứ Trảng cũng mang nhiều dấu ấn của cư dân miền Trung ngày nay. Đây cũng là đặc điểm chung của cộng đồng cư dân Tây Ninh và miền Đông Nam Bộ. Tuy nhiên, khi di dân vào vùng Nam Bộ, với đặc điểm địa lí khác biệt thì ngôn ngữ cũng có nhiều thay đổi.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

[2] *Miền Ngũ Quảng*: để chỉ một dải miền Trung từ phía nam đèo Ngang (Hoành Sơn) đến phía bắc đèo Bình Đê, hiện nay bao gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Quảng Đức (Thừa Thiên Huế ngày nay).

Sách *Gia Bình xưa* của tác giả Lê Minh Quốc đã chỉ ra nhiều nét tương đồng về ngôn ngữ của người dân Trảng Bàng với người dân Quảng Nam. Cũng trong sách *Người Quảng Nam* của tác giả trên, rất nhiều ngôn ngữ địa phương ở Quảng Nam mà ông trình bày đã và đang được sử dụng khá phổ biến ở Trảng Bàng, ví dụ: *cạn xịt, ít xịt, láng mướt, túi thui, bí rị, lợt nhớt, nghí ngớn, dị hòm, sít rịt, xanh xảnh, yếu xìu, tổ chảng, mập ú, giú, cái ảng, giả đò, lủm, trã, ướt nhẹp, cá tràu,...* Đây là phương ngữ rất ít được sử dụng ở miền Bắc.

Chú ý những từ địa phương Quảng Nam được sử dụng phổ biến ở Trảng Bàng.

Bên cạnh đó, có một số từ ngữ của Quảng Nam chỉ có ở Trảng Bàng, ví dụ như từ *cá tràu*, chỉ con cá quả, theo cách nói người miền Bắc, còn đa số dân Nam Bộ, bao gồm cả dân Sài Gòn hiện nay, đều gọi là *cá lóc* chứ không gọi là *cá tràu*. Một số từ ngữ khác như cái "ảng", cái "trã", "xanh xảnh", "lủm",... ngoài dân cư Trảng Bàng sử dụng thì rất ít nơi ở miền Nam dùng. Một số phương ngữ Trảng Bàng ít thấy những nơi khác nói như "sấm mới tui đi mần ruộng", có nghĩa là "sáng mai tôi đi làm ruộng".

Chú ý những từ ngữ chỉ sử dụng ở Trảng Bàng.

Trong cách xưng hô, cư dân gốc Trảng Bàng cũng như phần đông dân Tây Ninh và Đông Nam Bộ không phân biệt được các từ có thanh "hỏi", thanh "ngã", cũng như không phân biệt các từ bắt đầu bằng phụ âm "v", "d" và "g". Người miền Bắc thì không có đặc điểm này. Người Trảng Bàng thường phân biệt rất rõ các từ có phụ âm đầu là "r", "tr" và "ch". Ví dụ: con *trâu* thì nói rõ, chứ không nói sai thành con *châu* như người miền Bắc. Hoặc nói *cá rô* chứ không nói *cá gô* như người miền Tây Nam Bộ. Trong đại từ nhân xưng, người Trảng Bàng cũng như người miền Nam nói chung đều nói tắt khá nhiều. Ví dụ: *ông ấy* nói là *ổng, bà ấy* nói là *bả, chị ấy* nói là *chỉ*,... Một số từ nhân xưng như *qua* tức *tôi*, *tía* tức *cha, giả* tức *ông ấy*,... được sử dụng cách đây vài mươi năm nhưng ngày nay đã ít dần.

Trong xu hướng toàn cầu hoá hiện nay, sự phát triển của hệ thống truyền hình lan rộng khắp nơi ở Việt Nam khiến cho sự khác biệt về ngôn ngữ, tiếng nói của người dân giữa các vùng miền ngày càng thu hẹp. Ngôn ngữ Hà Nội được sử dụng thường xuyên trên hệ thống truyền hình và phát thanh nên ngôn ngữ của người dân Trảng Bàng cũng như cả vùng Đông Nam Bộ cũng ảnh hưởng theo cách nói của người Hà Nội. Một số người có quan hệ xã hội rộng bắt đầu phân biệt trong cách nói có phụ âm đầu "d" và "v". Ví dụ: trước nói "đi dìa" thì nay nói rõ là "đi về",... Phương ngữ Trảng Bàng chỉ còn được sử dụng trong cộng đồng cư dân vùng sâu, vùng nông thôn, nơi mà sự giao tiếp với thế giới bên ngoài còn ít nhiều hạn chế. Rõ ràng ngôn ngữ cũng luôn cần được thay đổi theo đà hội nhập và phát triển của xã hội Việt Nam.

(In trong *Trảng Bàng phương chí*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2016, trang 465 – 466)

Dựa vào văn bản trên, hãy trả lời các câu hỏi sau:

– Trong cách phát âm, người dân Trảng Bàng thường không phân biệt được âm, vần và thanh nào?

– Hãy liệt kê từ ngữ địa phương được nêu trong văn bản. Những từ ngữ địa phương đó có ý nghĩa tương đương với những từ nào trong từ ngữ toàn dân?

– "Trong đại từ nhân xưng, người Trảng Bàng cũng như người miền Nam nói chung đều nói tắt khá nhiều. Ví dụ: ông ấy nói là ổng, bà ấy nói là bả, chị ấy nói là chỉ,...''; theo em, có nên sử dụng những từ nói tắt này trong giao tiếp hay không? Nếu có, nên sử dụng trong trường hợp nào? Vì sao?

– Vì sao phương ngữ Trảng Bàng chỉ còn được nói trong cộng đồng cư dân vùng sâu, vùng nông thôn?

Văn bản 2

DẤU ẤN NGÔN NGỮ ĐỊA PHƯƠNG TRONG CA DAO DÂN CA TÂY NINH

Nguyễn Văn Dung

Đọc văn bản

[...] Ca dao dân ca của người Kinh ở Tây Ninh sử dụng tiếng Việt làm phương tiện biểu đạt. Tiếng Việt là một ngôn ngữ có tính thống nhất cao. Tuy nhiên, giữa các vùng miền vẫn có những sự khác biệt nhất định. Theo cách phân chia có tính truyền thống, Tây Ninh thuộc phương ngữ Nam Bộ, trong cách phát âm thường có sự lẫn lộn giữa các phụ âm đầu d/v, các phụ âm cuối: t/c, n/ng,... và có rất nhiều hiện tượng biến hoá ngữ âm do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Lưu ý những từ bị "lỗi" phát âm trong ca dao dân ca Tây Ninh.

Đọc ca dao dân ca Tây Ninh, chúng ta không quá khó để nhận ra những biểu hiện về lỗi phát âm của địa phương. Một cô gái có người yêu là người Huế, trước khi chia tay để người ấy về thăm quê, cô dặn:

*Anh **đìa** ngoài Huế lâu **đô**,*
Anh hoạ bức thư đồ để lại em xem.

Có cô gái than thân trách phận, không tự chủ được quyết định của mình trong tình yêu, hôn nhân:

Thân em như con cá ở đìa,
*Kẻ qua người lại biết **đìa** tay ai.*

Những trường hợp phát âm lẫn lộn giữa t/c không phải là hiếm:

Bắt to bắt nhỏ kệ cha,
*Chọ**t** rút chọ**t** riế**t** đặng mà chạy theo.*

Nhưng nhiều nhất, phổ biến nhất vẫn là sự lẫn lộn n/ng:

– Trời vàng tứ phía cũng vàng,
*Để coi cây quế ngả **tàng** về đâu?*
– Đêm đông lạnh trong sương sầu bạn,
***Ngẩn** nhìn trăng vừa cuối hiên tây.*

Tuy không nhiều nhưng cách phát âm lẫn lộn ô/ơ cũng xuất hiện:

Đặng chim quên ná
*Đặng cá quên **nôm.***

Trong phương ngữ Nam Bộ, hiện tượng biến âm diễn ra khá phổ biến do nhiều nguyên nhân khác nhau. Chúng ta có thể bắt gặp rất nhiều trong ca dao dân ca Tây Ninh hàng trăm lượt biến âm như: được – đặng, phượng – phụng, cảnh – kiểng, nhân – nhơn, sinh – sanh, bảo – biểu, nhật – nhựt, thật – thiệp, hợp – hiệp, tính – tánh, cương – cang, nghĩa – ngãi/ngời, ơn – ân, miếu – miễu,...

Lưu ý các từ biến âm trong ca dao dân ca Tây Ninh.

Tình cảm của một cô gái dành cho chàng trai theo năm tháng được cô bộc bạch:

*Con cá nằm mờ xa con cá xoè đuôi **phụng**,*
Chớ em mắc máng thương chàng ngày lụn tháng qua.

Mạnh dạn hơn, cô gái mượn lời con chim điểu nói chuyện với con chim quỳnh để khẳng định tình yêu sâu đậm của mình:

*– Con chim điểu nó **biểu** con chim quỳnh,*
Biểu to biểu nhỏ hai đứa mình thương nhau.

*– ***Kiểng** trên lầu dội đổ leng keng lắc cắc,*
***Kiểng** ngoài Bắc anh dội đổ tang tình.*

Đặc biệt hơn, có rất nhiều trường hợp biến âm không thấy xuất hiện đã lâu, nhưng lại xuất hiện khá nhiều trong nhiều bài ca dao như: gá duyên – gá dơn, đoạt – đạt, thu thành – thâu thành, thuyền – thoàn, tường – tàng,... Có lẽ vài trăm năm trước, đây là cách phát âm khá phổ biến của người Tây Ninh?

Người con gái thề bồi cùng người yêu của mình:

*Gá **dơn** cũng muốn cùng anh trọn đời.*

Còn người con trai cũng thể hiện quyết tâm:

*Anh cũng muốn ra đạt luỹ **thâu** thành.*

Hoặc người con gái ướm hỏi bạn trai của mình:

Tam cang em hỏi bạn chung ***thoàn***,
Rủi chẳng may sóng gió lớn chìm ***thoàn*** *anh vớt ai?*

Nhưng đặc trưng của ngôn ngữ Nam Bộ nói chung, trong đó có Tây Ninh để lại ấn tượng khá rõ đối với người đọc là kiểu biến âm theo cách nhược hoá và bớt âm hay còn gọi là rút gọn âm. Thay vì phải nói *ông ấy, anh ấy, chị ấy, bà ấy, trên ấy, trong ấy, bên ấy,...* thì rút gọn lại chỉ còn *ổng, ảnh, chỉ, bả, trển, trỏng, bển,...*

Trăng rằm mười sáu trăng treo,
Anh về ở ***bển*** *mua heo nộp tài.*

Cô gái thì thổ lộ:

Em ***hổng*** *ham anh lớn đất rộng vườn,*
Ham vì nhơn nghĩa đạo cang thường anh xử xong.

Về mặt sử dụng từ vựng, ngữ nghĩa, đây là một biểu hiện khá rõ và thú vị về dấu ấn ngôn ngữ địa phương trong ca dao dân ca Tây Ninh. Những từ ngữ trong vốn từ chung được gọi theo cách của địa phương không phải là ít, có thể kể ra hàng loạt từ có tần số xuất hiện khá cao trong các bài ca dao khác nhau như: *ngó, chưng, ráng, ẫm, cưng, hun, ghé vô, ghẹo, dơ, sình, trọng, đặng, tợ, chén, rủi, mắc cỡ, xụi lơ, nói dóc, nói xạo, nín khe,...* Câu ca dao thấm đẫm chất Nam Bộ qua từ ngữ được dùng:

Giận ai cái mặt ***chằm vằm***,
Cái môi xề xệ, cái cằm ***xụi lơ***.

Nhiều từ ngữ chỉ những sản vật, đặc điểm của địa phương cũng xuất hiện khá nhiều trong ca dao dân ca, tạo nên sắc thái vùng miền rõ nét như: *cà na, ky (sọt, rổ), bưng, giồng, tu rên, xịa, nhạu, chà chiên,...*

> Chú ý những từ ngữ chỉ sản vật, đặc điểm tạo nên sắc thái vùng miền được sử dụng trong ca dao dân ca Tây Ninh.

Nước ròng chảy xuống Nam Vang,
Cà na *chín rụng thiếp chàng ăn chung.*

Và cũng có những từ ngữ chưa xác định được nghĩa của chúng như: *vê đơ, mỏn hơi, khả đẩu, trà phô, nhạu* (nhạo),...

Một hiện tượng đáng chú ý, các tác giả dân gian đã tạo ra một loạt từ láy mang sắc thái địa phương, có khả năng gợi cảm, gợi tả như: *tèng heng, linh đinh, lông phông, thanh thao, lưa cưa, điếm đàng, liềng xiềng, chần vần, quặn quịu,...* Ví dụ: "Chàng thì đi nói *liềng xiềng* không ưng", "Sửa soạn theo kiểu *điếm đàng*", "Ngồi buồn đặt chuyện *lông phông*", "Nước sôi *quặn quịu* trong siêu",...

> Chú ý những từ láy mang sắc thái địa phương được sử dụng trong ca dao Tây Ninh.

Bên cạnh đó, đọc ca dao dân ca Tây Ninh, chúng ta cũng bắt gặp cách dùng từ mang đậm chất vùng miền của người Nam Bộ, đó là cách dùng các ngữ khí từ cuối câu như: *nghe, nghen, nè, vầy, hoài hoài,...*

– Trồng tre thì thả nên tre,
*Vợ chồng sum hiệp, anh nghe em **nè**.*
*– Bây giờ em tính như **vầy**,*
*Anh có thương em nói thiệt đặng để lỡ làng **nghe anh**.*
*– Tình xưa nghĩa cũ nhớ nhau **hoài hoài**.*

Ngoài ra, còn nhiều trường hợp do việc sưu tầm, biên tập chưa kĩ nên có những sai sót không tuân theo quy luật mà khi tiếp xúc, người đọc có thể nhận ra như: *bủn sỉn/ bủn xỉn, sanh cây/ xanh cây, bạt áo/ bạc áo,...*

Ngôn ngữ là phương tiện không thể thiếu trong giao tiếp đời sống hằng ngày. Từ mấy trăm năm nay, những người dân lao động ở Tây Ninh đã dùng nó để gửi gắm, giải bày tâm tư tình cảm, phản ánh cuộc sống, lao động, chiến đấu,... của chính mình. Ca dao dân ca Tây Ninh là di sản văn hoá tinh thần mà các thế hệ cha ông để lại cho mai sau. Tìm hiểu ca dao, dân ca, chúng ta sẽ thâu nhận và kế thừa rất nhiều điều. Qua ngôn ngữ, chúng ta cảm nhận được dấu ấn của thế hệ đi trước. Đó là những con người chân thật, mộc mạc, giản dị với cá tính bộc trực, thẳng thắn nhưng cũng rất tinh tế, khéo léo ứng xử trong đời sống hằng ngày. Ngôn ngữ đã đi vào lời ca điệu hát, góp phần làm lung linh thêm những hạt ngọc tinh thần trong tâm hồn của người dân ở vùng đất biên cương đầy nắng gió này.

(In trong *Tây Ninh – Đất và người*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2021, trang 930 – 933)

Dựa vào văn bản trên, hãy thực hiện các yêu cầu sau:

– Chỉ ra và sửa lại cho đúng theo cách phát âm toàn dân những lỗi phát âm địa phương xuất hiện trong các câu ca dao ở văn bản trên.

– Liệt kê các từ biến âm được người dân Tây Ninh sử dụng trong ca dao.

– Tìm những từ toàn dân có ý nghĩa tương đương với từ địa phương theo mẫu dưới đây (làm vào vở):

Từ địa phương	Từ toàn dân
ngó	?
ráng	?
ẵm	?
hun	?
ghẹo	?

dơ	?
sình	?
đặng	?
tợ	?
mắc cỡ	?

– Có thể thay thế từ địa phương thành từ toàn dân vào các câu ca dao Tây Ninh trong ngữ liệu trên không? Vì sao?



Luyện tập

1. Tìm từ toàn dân đồng nghĩa với các từ địa phương trong đoạn trích sau:

"Xóm Chàm, hay Chiêm Thành, còn được gọi là "Phồn Chàm" ở ấp Thái Vĩnh Đông, xã Thái Hiệp Thạnh, từ chợ Tây Ninh lên độ 1 cây số ngàn đó là một di tích dân thiểu số còn sót lại sau cuộc Nam tiến hào hùng của dân tộc Việt.

Khỏi rạp hát bóng, cây xăng đi lên một đổi, du khách quẹo mặt theo một con đường đất, vô 100 thước là đến nơi. Giáo đường Hồi Giáo xây gạch, quét vôi trắng cửa vòng cung và bốn tháp nhỏ liền bốn góc giáo đường, phô trương vẻ trang nghiêm giữa đám dừa thốt nốt xinh đẹp, cạnh bên có một ngôi trường tiểu học cộng đồng. Đây là một xóm riêng biệt của người Chàm với vài trăm nóc nhà ngói lá xen lẫn chung quanh."

(Trích *Tây Ninh xưa*, Huỳnh Minh, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2001, trang 143 – 144)

2. Tìm từ địa phương trong các bài ca dao sau và cho biết tác dụng của việc sử dụng các từ địa phương đó:

– Em giã bàng đươn đệm cho siêng
Để anh lên núi cầu duyên chúng mình.

– Trời nộ khiến lòng qua thương bậu
Dìu dắt nhau kiếm chỗ náu nương.

3. Phân tích tác dụng của phương ngữ trong đoạn trích sau:

"[...] Bữa ăn đầu tiên, Tươi nấu cơm khét lẹt, do Tươi mải miết đi nhổ rau dền cơm mọc láng trảng ngoài ruộng. Chiên khô cũng bị khét do không biết trừ hao độ nóng của dầu và củi cao su cháy hổn. Tươi rơm rớm nước mắt phân bua với cả đội là tại, bị, bởi... rồi cúi đầu chờ nghe chửi. Không ngờ anh Hai rầy nhẹ hều:

– Bây không biết nấu cơm phải hôn?

– Dạ!

– Bi lớn vầy mà hổng biết nấu cơm?

– Dạ, ở nhà em nấu bằng nồi cơm điện.

– Thôi rồi! Tui nhìn tướng nó tui nghi rồi, yểu điệu vầy mà ở ngoải đưa vô đây chi vậy trời, làm mệt không hà! Rốt cuộc bây làm được gì?

– Mấy anh chỉ gì em làm đó.

– Vậy lát ăn cơm xong rửa chén, dọp dẹp sạch sẽ, rồi ra nhổ cỏ, đem theo cái rổ, tao chỉ cho bây mấy loại rau đồng ăn nên thuốc. Con gái tao bằng tuổi bây, có chồng, có con rồi, cái gì nó cũng biết làm hết, bây thiệt là… Thôi không sao, không sợ đứa không biết gì, chỉ sợ đứa làm biếng. Bây coi để ý thấy mấy anh làm sao bắt chước làm y vậy là được. Thiệt tình, rầu con gái thành thị, nó điệu…

– Dạ, con cám ơn chú.

– Chú cái đầu mày. Đi làm việc chứ có phải giỡn chơi đâu mà muốn kêu sao thì kêu.

– Tại chú nói con bằng tuổi con chú.

– Đúng ra là kêu đồng chí nhưng tao không thích kêu đồng chí. Lỡ rồi, kêu bằng anh luôn đi, mà tao cũng thích bây kêu như vậy cho nó trẻ. Nghe ngài ngại, Tươi bước thẳng ra cánh đồng bắp bạt ngàn vừa mới nhú lá non, thẳng hàng, đều tắp, xanh tươi. Trưa nắng chói chang mà gió đồng phần phật thổi mát rượi, yên bình. […]"

(Trích *Có một thời để nhớ*, Hương Nhu, in trong *Văn Nghệ Tây Ninh*, Số 64, 2018, trang 9)

4. Chọn từ ngữ địa phương trong các từ sau: *mẹ vợ, bà già vợ, kiếm, tìm, quần, lục soát, nhắc, nhấc* để điền vào chỗ trống cho phù hợp (làm vào vở):

"Bước vào một vuông rào trúc, thấy đằng sau cái sân gạch có ngôi nhà tường đã cũ, loang lổ trên vách, trên cột nhiều vết gạch, gỗ bị thương, tôi hỏi:

– Đến rồi chăng?

Người cán bộ đáp:

– Không, đây là nhà của **(1).....** *tôi. Nơi này trước kia có một cái hầm bí mật rất tốt. Một bữa, tôi và mấy cán bộ xã, huyện khác vừa xuống tránh ở dưới hầm thì bọn Mỹ ập đến* **(2).....** *hầm vì có chỉ điểm báo cáo cụ thể. Chúng* **(3).....** *gần suốt một ngày, hỏi bà già tôi đúng tên từng người núp ở dưới nhưng cũng không mò ra được dấu vết gì. Hầm tốt lắm, lỗ thông hơi trổ lên giữa bức vách đất nhà bếp, miệng hầm là chỗ chân tán của gốc cột. Cột chỉ đứng hờ, đẩy qua một bên,* **(4).....** *viên tán lên là có chỗ xuống lên".*

(Trích *Chòm tóc bạc*, Vân An, in trong *Thơ văn Tây Ninh trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994, trang 75)

5. Tìm một số từ ngữ địa phương chỉ người, cây cối, con vật, đồ vật,... ở Tây Ninh và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng.



Vận dụng

1. Kể lại một câu chuyện/ cuộc giao tiếp ngắn của người dân Tây Ninh có sử dụng từ ngữ địa phương Tây Ninh.

2. Sưu tầm ít nhất một bài ca dao hoặc một đoạn trích trong tác phẩm văn học ở Tây Ninh có sử dụng từ ngữ địa phương.

CHỦ ĐỀ 4

MỘT SỐ NGHỆ NHÂN TRONG LĨNH VỰC ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH TÂY NINH

Mục tiêu

- Kể được tên một số nghệ nhân dân gian địa phương;
- Nêu được cuộc đời và sự nghiệp của các nghệ nhân;
- Nghe, cảm thụ và nêu được nội dung tình cảm của tác phẩm âm nhạc tiêu biểu của các nghệ nhân;
- Gìn giữ những giá trị nghệ thuật của nghệ thuật truyền thống địa phương thông qua các hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong và ngoài nhà trường.

Khởi động

Quan sát hình ảnh và thực hiện yêu cầu:



Hình 1

(Nguồn: Báo Tây Ninh)



Hình 2

(Nguồn: Báo Tây Ninh)

– Cho biết đây là loại hình nghệ thuật gì ở địa phương.

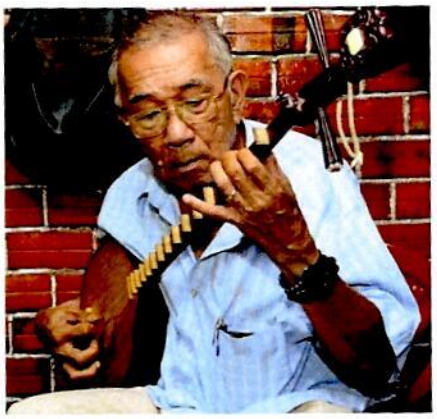
– Nêu một vài cảm nhận của em sau khi quan sát hình ảnh và trao đổi nội dung cùng bạn.

Khám phá

I. MỘT SỐ NGHỆ NHÂN ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở TÂY NINH

1. Nghệ nhân Đỗ Văn Trượng

Nghệ nhân Đỗ Văn Trượng (1942 – 2020) bút danh là Thanh Hiền, sinh ra và lớn lên tại phường Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng. Lúc nhỏ, ông được gia đình cho học cả tiếng Pháp và tiếng Hán. Ngoài học chữ, ông còn yêu thích đờn ca tài tử. Ông học ca và sử dụng được một số nhạc cụ như: đờn kìm, đờn gáo, ghi-ta phím lõm, trong đó sở trường của ông là đờn kìm. Cho đến nay, ông không chỉ là cây viết sáng tác vọng cổ nổi tiếng, sáng tác hơn 2 000 bài vọng cổ và bản tài tử. Có thể nói, ông là nghệ nhân đờn kìm, nhạc tài tử tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ.



Hình 3. Nghệ nhân Đỗ Văn Trượng

(Nguồn: Báo Tây Ninh)

Sau ngày giải phóng (5 – 1975), ông về công tác tại Hội Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 9 – 1982, ông về công tác tại Ty Văn hoá – Thông tin Tây Ninh, với chức vụ Phó Phòng Văn nghệ – Xuất bản, kiêm Phó Đoàn Văn công Tây Ninh. Sau đó, ông làm Trưởng đoàn nghệ thuật cải lương Tây Ninh 2. Năm 1983, ông tham gia Ban vận động thành lập Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh. Năm 1994, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội khoá I, tiếp theo là Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh khoá II (2001 – 2007). Đến năm 2007, ông thôi tham gia công tác Hội. Dù đứng ở cương vị và giai đoạn nào, ông vẫn không rời cây đờn kìm và cây viết.

Những kịch bản cải lương tiêu biểu của ông: *Lá thư cô Hiếu* (giải Nhất – Đài Phát thanh Giải phóng), *Đám cưới cô Trầm, Vì sao anh chưa về* (giải Nhì – Đài Phát thanh Giải phóng), *Tiếng hát An Cơ* (Huy chương Bạc – Đoàn cải lương Tây Ninh), *Chim quyên xuống đất* (Huy chương Bạc – Đoàn Văn công Đồng Tháp),... Về bài ca lẻ, nhóm ba bài lí: *Lí sáng trăng, Lí bông đậu* và *Lí tòng quân* đoạt Huy chương Vàng tại Liên hoan Đờn hát dân ca toàn quốc – 1985.

Từ sau năm 1975, riêng về thể loại vọng cổ, ông sáng tác nhiều bài cho các đài và cho phong trào ở địa phương. Trong đó, những bài nổi tiếng và được phổ biến rộng trong dân gian, ai cũng có thể thuộc lòng và ca được đó là: *Bông điệp Sài Gòn* (Minh Cảnh), *Tấc đất tấc vàng, Chuyến xe Tây Ninh* (Thanh Tuấn), *Rẽ mạ đầu mùa* (Minh Cảnh, Thanh Kim Huệ), *Lan trắng, Cây thương nhớ, Tâm sự Ngọc Hân* (Lệ Thuỷ, Minh Vương),...

Với cuộc đời hoạt động cách mạng và cống hiến cho nghệ thuật dân tộc, ông được Nhà nước tặng: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu đợt I và II (trong chiến khu), Giải thưởng Văn học Nguyễn Thông – Long An năm 2002,... cùng nhiều huân chương, huy chương, bằng khen, giấy khen khác.

Trước khi qua đời, ông là chủ nhiệm Câu lạc bộ Đờn ca tài tử tỉnh Tây Ninh. Ông từng tâm sự niềm vui và hạnh phúc lớn nhất của ông là được sáng tác và đờn ca để gửi gắm đến khán giả tri âm tình yêu mãnh liệt dành cho văn hoá nghệ thuật Nam Bộ, trong đó có nghệ thuật Đờn ca tài tử đã được thế giới vinh danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại.

2. Nghệ nhân Trần Văn Xén

Nghệ nhân Trần Văn Xén (sinh năm 1957) sinh ra và lớn lên tại phường Long Thành Bắc, thị xã Hoà Thành. Ông nguyên là Đội trưởng đội trống Chhay-dăm Ban Tần Nhơn Cao Đài Tây Ninh. Nhiều năm qua, ông đã nỗ lực truyền dạy cho nhiều thế hệ về cách làm trống, cách múa trống cho các dân tộc anh em tại nhiều tỉnh, thành, đặc biệt là các lớp trẻ tại địa phương. Từ năm 2000 đến nay, đội trống Chhay-dăm này đạt nhiều huy chương vàng tại các kì Liên hoan văn nghệ quần chúng, Ngày hội Văn hoá, Thể thao và Du lịch đồng bào Khơ-me Nam Bộ. Ngoài ra, ông sáng chế nhiều loại trống Chhay-dăm đi kèm theo điệu múa các nhạc cụ dân tộc như: đàn kìm, đàn cò, đàn tranh. Múa trống Chhay-dăm là bài múa tập thể, phải có ít nhất 12 người mới đủ bộ múa. Có lần ông vừa nói vừa biểu diễn: "Các động tác múa trống Chhay-dăm giống như múa võ, khi thì xuống tấn, lúc thì ngã nhào hoặc lộn xuống đất; đứng thì sử dụng tay, cùi chỏ; nằm thì phải dùng gót chân để đánh trống. Từng động tác phải mạnh mẽ, dứt khoát".



Hình 4. Nghệ nhân Trần Văn Xén hướng dẫn kĩ thuật múa trống Chhay-dăm cho các em thiếu niên

(Nguồn: Báo Tây Ninh)

Nếu ai đã từng xem múa trống Chhay-dăm đều nhận thấy điệu múa ấy hay và đẹp bởi dụng cụ và âm thanh dân dã của nó. Múa trống Chhay-dăm là một nét văn hoá truyền thống của đồng bào Khơ-me Nam Bộ nhưng chỉ ở tỉnh Tây Ninh, vũ điệu này mới được nâng lên tầm cao hơn.

Hơn 40 năm sống cùng điệu trống Chhay-dăm, nghệ nhân Trần Văn Xén đã truyền dạy cho hàng trăm học viên lưu giữ về điệu trống này. Tháng 12 – 2014, điệu múa trống Chhay-dăm ở xã Trường Tây (thị xã Hoà Thành) được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Năm 2015, nghệ nhân Trần Văn Xén được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú.

– Kể tên một số nghệ nhân thuộc loại hình nghệ thuật truyền thống của tỉnh Tây Ninh mà em biết.

– Nêu khái quát về sự nghiệp hoạt động âm nhạc của các nghệ nhân trên.

II. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở TỈNH TÂY NINH

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Vì vậy, nghệ thuật múa Việt Nam cũng hết sức đa dạng, phong phú. Có thể nói đó là món ăn tinh thần của con người Việt Nam nói chung và với người dân Khơ-me nói riêng. Người dân Khơ-me quan niệm rằng: trẻ con biết múa, biết hát còn trước khi biết đọc, biết viết. Hầu hết các điệu múa của người Khơ-me đều có tính vui nhộn được thể hiện qua sự phối hợp nhịp nhàng, sinh động của các động tác tay chân theo từng điệu nhạc, thường được xuất hiện trong các lễ hội truyền thống và các buổi giao lưu văn nghệ của người dân Khơ-me, tiêu biểu như các điệu múa rom vong, lăm leo, saravan,... gọi chung là múa dân gian. Ở Tây Ninh, có khá nhiều người dân tộc Khơ-me sinh sống nên các điệu múa này vẫn được duy trì, là một trong những nét đặc sắc của dân tộc Khơ-me.

1. Điệu múa dân gian rom vong

Rom vong là điệu múa sinh hoạt đầu tiên được nhiều người biết đến. Đây là để thể hiện tình đoàn kết cộng đồng, gắn với tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục tế lễ tiêu biểu như: tế thần linh, rước thần, cầu an,... Múa rom vong là múa vòng tròn, theo nhịp $\frac{2}{4}$. Khi nhịp trống và giọng hát say sưa vang lên, từng người một hoặc từng đôi trai gái bước đều ba bước và lui một bước, hai tay nâng lên để trước ngực, các ngón tay thẳng đứng và cong lên như những cánh hoa tươi, cứ một tay đưa lên, tay kia đưa xuống nhịp nhàng theo tiếng nhạc.

2. Điệu múa dân gian lăm leo

Điệu múa dân gian lăm leo (múa lào) là điệu múa do quá trình tiếp biến giao lưu văn hoá giữa các dân tộc anh em Lào, nhưng nó "rất Khơ-me" vì cách thể hiện cũng chính ở người Khơ-me với những tài năng độc đáo. Điệu múa này có phần sôi động, rộn rã về tốc độ và các động tác trong khi múa. Động tác múa cũng giống như rom vong, một tay bắt – lòng bàn tay ngửa lên trên, dùng ngón tay cái và ngón trỏ áp sát vào nhau bằng một lực đủ căng ba ngón kia ra hướng; một tay che – dùng một lực áp sát các ngón vào nhau như tư thế che nắng nhưng bằng lòng bàn tay và cứ hoán chuyển tư thế đó giữa hai tay trong các bước chân thể hiện sự kết hợp hài hoà của người biểu diễn.

3. Điệu múa dân gian Saravan

Saravan là một điệu múa sôi động với các động tác múa chủ đạo là nhấn cổ tay theo từng phách nhạc, đặc điểm thường múa theo vòng, múa hàng, múa đôi hay múa đối mặt nhau theo đội hình hàng ngang đuổi nhau theo lối lên xuống hay trái phải. Vị trí hai tay có lúc dang rộng ngang vai, lúc thả buông xuôi theo thân người, có lúc hai tay chéo nhau trước bụng và hai cổ tay nhấn đều như chim én vỗ cánh.

Trên đây là các điệu múa dân gian tiêu biểu của đồng bào Khơ-me Nam Bộ nói chung, tỉnh Tây Ninh nói riêng. Vào những dịp lễ tết truyền thống của dân tộc, khi tiếng trống hoặc nhạc ngũ âm vang lên, từng đôi trai gái, già trẻ cùng uyển chuyển hoà mình vào những điệu múa tập thể rất mềm mại và duyên dáng. Mỗi người Khơ-me từ nhỏ đã thấm nhuần trong máu những điệu múa dân gian do ông bà chỉ dạy. Những điệu múa này hầu như người Khơ-me nào cũng biết, đây là loại hình nghệ thuật đặc sắc, cần được bảo tồn gìn giữ và phát huy một cách đầy đủ, đúng đắn trong thời đại ngày nay.



Luyện tập

1. Nghe trích đoạn bài *Chuyến xe Tây Ninh* của soạn giả Thanh Hiền do Nghệ sĩ Ưu tú Thanh Tuấn trình bày[1].

– Em hãy sáng tạo mẫu vận động cơ thể cho bài *Chuyến xe Tây Ninh*.

– Nêu cảm nhận của em sau khi nghe, xem trích đoạn biểu diễn của bài *Chuyến xe Tây Ninh*.

2. Xem biểu diễn trống Chhay-dăm[2]

– Em hãy dùng động tác vỗ tay để mô tả lại tiết tấu của video biểu diễn trống Chhay-dăm vừa xem.

– Nêu cảm nhận của em sau khi được xem biểu diễn trống Chhay-dăm.

3. Chọn một trong các loại hình múa dân gian trên để sáng tạo các động tác múa phù hợp.



Vận dụng

1. Kể một số bài dân ca có gắn với các điệu múa dân gian của người Khơ-me mà em được biết.

2. Em cần làm gì để gìn giữ và phát huy những giá trị nghệ thuật truyền thống của quê hương Tây Ninh?

---

[1] https://www.youtube.com/watch?v=mivIrZFva34.

[2] https://www.youtube.com/watch?v=W2ZVBVFkrsU.

CHỦ ĐỀ 5

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TỈNH TÂY NINH

Mục tiêu

- Kể tên được một số lễ hội đặc sắc của tỉnh Tây Ninh;
- Giới thiệu được nét đẹp truyền thống thông qua hoạt động lễ hội tại tỉnh Tây Ninh;
- Viết được bài luận hoặc vẽ sơ đồ tư duy tìm hiểu về lễ hội tiêu biểu của địa phương;
- Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị của lễ hội truyền thống của địa phương bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

Khởi động

Hãy nêu những điều em biết về lễ hội Xuân núi Bà Đen.



Hình 1. Lễ hội Xuân núi Bà Đen năm 2023
(Nguồn: baotayninh.vn)

Khám phá

I. MỘT SỐ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TẠI TỈNH TÂY NINH

1. Lễ hội Kỳ yên

Lễ hội Kỳ yên là lễ lớn trong năm của các đình làng vùng Nam Bộ, được xem là ngày giỗ hội của làng. Kỳ yên có ý nghĩa là cầu bình an, mong cho mưa thuận gió hoà, mùa màng thuận lợi và cầu cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xóm làng thịnh vượng. Hằng năm, tại các ngôi đình lâu đời ở tỉnh Tây Ninh như: đình An Tịnh, đình Gia Lộc,... người dân địa phương tổ chức lễ Kỳ yên để cầu an.

Lễ Kỳ yên gồm hai phần: phần lễ và phần hội. Phần lễ có các nghi thức như: rước sắc thần về đình, dâng hương, rượu và trà, đọc bài văn tế cầu nguyện và cảm tạ các Thành Hoàng, Tiên hiền, Hậu hiền, thần Nông, thần Hổ, ông Nam Hải, bà Ngũ Hành,... Phần hội diễn ra với các hoạt động như: múa lân, múa rồng, các trò chơi dân gian được tổ chức hoành tráng, mang nét đặc sắc riêng của địa phương.



Hình 2. Nghi thức thả thuyền tống ôn trên sông Vàm Cỏ Đông trong lễ Kỳ yên đình Trường Đông
(Nguồn: Lê Văn Hải)



Hình 3. Nghi lễ cầu bình an và ấm no cho cuộc sống
(Nguồn: Văn Hải)

2. Lễ giỗ Quan lớn Trà Vong

Lễ giỗ Quan lớn Trà Vong đã có từ lâu đời, gắn bó với đời sống của người dân Tây Ninh và được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cấp Quốc gia vào năm 2019.

Từ tháng 2 đến tháng 4 âm lịch hằng năm, người dân tổ chức lễ giỗ để tưởng nhớ công ơn khẩn hoang lập ấp, giữ gìn bờ cõi nước nhà của Quan lớn Trà Vong Huỳnh Công Giản và tiến hành cầu an, mong cho đời sống được ấm no, hạnh phúc. Quan lớn Trà Vong – Ông được chôn cất tại ấp Trà Hiệp, xã Trà Vong, huyện Tân Biên. Để tiện cho nhân dân đến cúng, dâng hương, đền thờ của ông được lập tại nhiều nơi tại tỉnh Tây Ninh.

Hằng năm, lễ giỗ được tổ chức trang trọng tại đền thờ Quan lớn Trà Vong (Ấp 3, xã Trà Vong, huyện Tân Biên), gồm có phần lễ và phần hội. Phần lễ là nghi thức rước sắc Thần từ mộ Quan lớn Trà Vong; phần hội là những hoạt động dân gian, truyền thống: hát bội, các hoạt động tái hiện hình thức sinh hoạt đậm nét văn hoá truyền thống dân tộc,...



Hình 4. Đoàn rước sắc qua cầu suối Trà Vong trong lễ giỗ Quan lớn Trà Vong
(Nguồn: Báo Tây Ninh)



Hình 5. Dâng sắc ấn và sắc phong lên Quan lớn Trà Vong
(Nguồn: Ngọc Diêu)

3. Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu – núi Bà Đen

Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu – núi Bà Đen thể hiện rõ nét văn hoá du lịch tâm linh của người dân Tây Ninh, được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể cấp Quốc gia ngày 4 – 9 – 2018. Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu được tổ chức từ ngày mùng 4 đến mùng 6 – 5 âm lịch theo nghi thức Phật giáo cổ truyền và dân gian tại chùa Linh Sơn Tiên Thạch trên núi Bà Đen, thành phố Tây Ninh.

Lễ hội gồm các hoạt động: lễ tắm Bà và thay áo mão, hưng tác cung thỉnh Thành Hoàng Bổn Cảnh, niệm hương, nghinh thần,... Khi tham dự lễ hội, du khách sẽ được tham dự vào các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nhằm cầu nguyện, siêu độ cho những người đã khuất và thể hiện những mong ước về một cuộc sống thịnh vượng, an khang.



Hình 6. Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu – núi Bà Đen
(Nguồn: Giang Phương)



Hình 7. Lễ phẩm dâng cúng Bà Linh Sơn Thánh Mẫu
(Nguồn: mia.vn)

4. Lễ Hội yến Diêu Trì Cung

Lễ Hội yến Diêu Trì Cung là đại lễ chính thống trong hoạt động tín ngưỡng của đạo Cao Đài, được tổ chức trọng thể trong đêm rằm tháng 8 hằng năm. Đây là dịp để các tín đồ đạo Cao Đài bày tỏ nguyện vọng về một cuộc sống bình yên, mưa thuận gió hoà, người người được hạnh phúc với Đức Phật Mẫu. Nghi thức khai mạc đại lễ diễn ra trước Báo Ân Từ. Lễ hội gồm có các hoạt động: từ thiện, trưng bày gian lễ phẩm, lễ rước Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương, múa tứ linh "Long, Lân, Quy, Phụng".



Hình 8. Múa rồng nhang trong lễ Hội yến Diêu Trì Cung, thị xã Hoà Thành
(Nguồn: Lê Văn Hải – Báo Tây Ninh)

– Hãy kể tên các lễ hội truyền thống ở tỉnh Tây Ninh được đề cập trong bài. Cho biết lễ hội đó diễn ra ở đâu, vào thời gian nào.

– Kể thêm những lễ hội truyền thống khác ở tỉnh Tây Ninh mà em biết.

II. ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT TRONG LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA TỈNH TÂY NINH

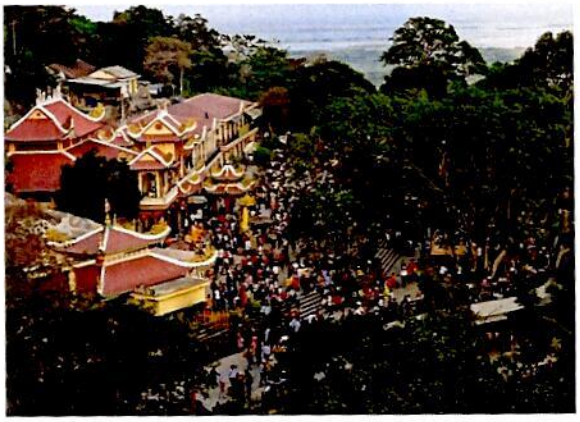
1. Không gian trong lễ hội truyền thống

Không gian lễ hội là nơi tổ chức các hoạt động, nghi lễ quan trọng nhằm tôn vinh các giá trị tinh thần, thẩm mĩ, văn hoá của địa phương, gồm hai nhóm chính:

– *Không gian nhân tạo*: đình, đền, chùa, miếu, toà thánh, nơi thờ tự,...

– *Không gian tự nhiên:* bãi trống, bến sông, đồi, gò, cánh đồng,...

Trong các không gian này, người dân sẽ trang trí nhiều vật dụng, phương tiện nhằm thể hiện sự tinh xảo, nét truyền thống và sự trang trọng để phục vụ tốt các nghi lễ.



Hình 9. Không gian tổ chức Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu tại chùa Linh Sơn Tiên Thạch (núi Bà Đen), thành phố Tây Ninh
(Nguồn: Kim Uyên)



Hình 10. Không gian tổ chức lễ Kỳ yên đình Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh
(Nguồn: Báo Tây Ninh)

2. Màu sắc trang trí trong lễ hội truyền thống

Trang trí trong lễ hội là nội dung quan trọng được quan tâm đầu tiên nhằm thể hiện sự tôn kính, tạo nên không gian tổ chức lễ hội ấn tượng và linh thiêng. Việc sử dụng màu sắc, hoa văn, hoạ tiết từ vật phẩm dâng cúng, hoa trái, vật dụng trang trí như: cờ, lọng, trang phục nghi lễ, trang phục biểu diễn nghệ thuật,... là sự tổng hoà sắc màu các giá trị thẩm mĩ.



Hình 11. Nghi lễ thỉnh sắc thần với các vật dụng trang trí cờ, lọng đầy màu sắc trong lễ Kỳ yên đình Gia Lộc, thị xã Trảng Bàng
(Nguồn: tayninh.city)



Hình 12. Các trang phục biểu diễn lộng lẫy gây ấn tượng trong biểu diễn múa tứ linh trong lễ Hội yến Diêu Trì Cung, thị xã Hoà Thành
(Nguồn: Báo Tây Ninh)

3. Trang phục lễ hội

Trang phục lễ hội thể hiện nét đẹp văn hoá truyền thống của từng dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng địa phương, góp phần nâng cao giá trị thẩm mĩ của lễ hội. Mỗi trang phục lễ hội đều có nét đặc sắc riêng phù hợp với từng nghi lễ, là dấu hiệu nhận biết vai trò, vị trí, ý nghĩa của từng nhân vật tham gia thực hiện nghi thức.



Hình 13. Trang phục truyền thống sử dụng trong lễ giỗ Quan lớn Trà Vong
(Nguồn: Ngọc Diêu)



Hình 14. Lễ phục được sử dụng trong nghi thức rước Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương trong lễ Hội yến Diêu Trì Cung
(Nguồn: Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh)

– Trình bày đặc điểm nổi bật của các lễ hội truyền thống ở tỉnh Tây Ninh được thể hiện trong các thông tin, hình ảnh trên.

– Theo em, lễ hội truyền thống có ý nghĩa như thế nào đối với người dân và sự phát triển của tỉnh Tây Ninh?

III. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CỦA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG

Lễ hội truyền thống Tây Ninh là sự kiện văn hoá được tổ chức mang tính cộng đồng, biểu hiện sự tôn kính của con người với các vị thần linh, những nhân vật lịch sử có công với cộng đồng, kết hợp với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, tôn giáo, góp phần gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc, địa phương, trong đó có các giá trị mĩ thuật như: nghệ thuật trang trí trang phục truyền thống, không gian lễ hội;...

Ngoài ra, lễ hội truyền thống còn tạo nên sự gắn kết các thành viên trong cộng đồng, qua đó chung tay gìn giữ, quảng bá các nét đẹp truyền thống vừa nêu của địa phương đến với khách du lịch trong tỉnh và cả nước.

Các lễ hội ở Tây Ninh có thể chia thành 3 dạng, gồm: lễ hội dân gian, lễ hội tôn giáo và lễ hội lịch sử cách mạng với các lễ hội tiêu biểu như: lễ hội Kỳ yên, lễ giỗ Quan lớn Trà Vong, lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu, lễ Hội yến Diêu Trì Cung, lễ hội xuân Núi Bà;

lễ hội truyền thống cách mạng động Kim Quang,... Mỗi lễ hội đều có những sắc thái riêng, tạo nên sự đa dạng trong phong cách nghệ thuật truyền thống ở tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, việc bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội truyền thống, trong đó có các giá trị về mĩ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần xây dựng và phát triển văn hoá con người Tây Ninh.



Hình 15. Lễ hội xuân Núi Bà, thành phố Tây Ninh
(Nguồn: mia.vn)

Để bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội, tỉnh Tây Ninh đã tăng cường các hoạt động tuyên truyền cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đồng thời quảng bá về lễ hội thông qua các hoạt động truyền thông, các kênh thông tin trực tuyến,...

Tỉnh cũng đẩy mạnh hoạt động du lịch lễ hội, văn hoá, tâm linh để tăng cường quảng bá và nâng cao giá trị của lễ hội.

Ngoài ra, tỉnh còn chủ trương đầu tư mở lớp dạy, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động truyền dạy kĩ năng tổ chức lễ tế,... cho thế hệ trẻ nhằm lưu giữ và phát huy các giá trị của lễ hội.

Việc bảo tồn di sản nói chung và lễ hội nói riêng còn được triển khai ở trong chương trình giáo dục của các trường trên địa bàn tỉnh. Thông qua các hoạt động giáo dục địa phương, ngoại khoá,... nhà trường cung cấp cho học sinh những thông tin về di sản nói chung và lễ hội nói riêng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đồng thời giáo dục ý thức trách nhiệm cho các em trong việc giữ gìn các lễ hội.

Tỉnh Tây Ninh cũng đã và đang chung tay phối hợp cùng cộng đồng, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để giữ gìn và phát huy tốt giá trị của các lễ hội.

– Nêu những việc tỉnh Tây Ninh đã làm để giữ gìn và phát huy giá trị của các lễ hội trên địa bàn tỉnh.

– Em sẽ làm gì để giữ gìn và phát huy giá trị của các lễ hội truyền thống tại địa phương?

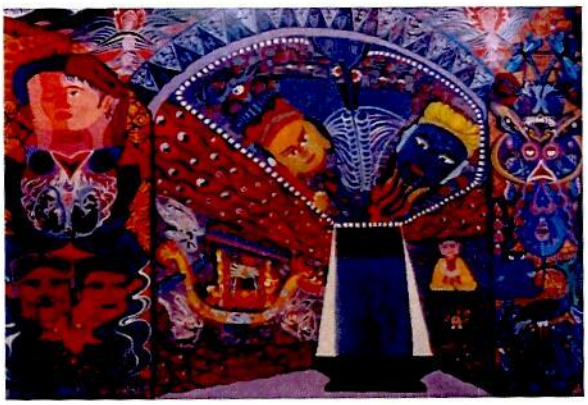
Luyện tập

1. Chọn một lễ hội truyền thống ở địa phương mà em yêu thích và trình bày tóm tắt thông tin về lễ hội đó (thời gian, địa điểm, các hoạt động chính).

2. Viết một bài luận hoặc vẽ sơ đồ tư duy tìm hiểu về các lễ hội truyền thống tiêu biểu của tỉnh Tây Ninh.

Vận dụng

1. Chọn một trong hai bức tranh dưới đây và dựa vào đó để viết bài thuyết trình thể hiện sự hiểu biết và cảm xúc của em về nét đẹp và những giá trị của lễ hội truyền thống ở địa phương.



Hình 16. *Cõi nhân gian*, Nguyễn Thị Thuý Anh
(Nguồn: Văn Bình)



Hình 17. *Múa Lân Mã*, Nguyên Thanh
(Nguồn: tayninh.gov.vn)

2. Viết một bản kế hoạch thể hiện sự trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị của lễ hội truyền thống của địa phương bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

Gợi ý:

Chăm sóc không gian, cảnh quan, giữ gìn vệ sinh khi lễ hội diễn ra,... hoặc tham gia các hoạt động nghi lễ,...

CHỦ ĐỀ 6

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH TÂY NINH

Mục tiêu

– Trình bày được sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Tây Ninh;

– Biết được các hoạt động của địa phương trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Tây Ninh;

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên;

– Trình bày được thực trạng bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Tây Ninh;

– Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường, phá hoại tài nguyên thiên nhiên và có ý thức trách nhiệm, thực hiện được những việc làm góp phần bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

Khởi động

Quan sát hình ảnh và đọc nội dung gợi ý dưới đây, em hãy:

– Nêu thực trạng bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Tây Ninh.

– Kể tên những hoạt động nhằm bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Tây Ninh.



Hình 1. Bãi tập kết rác lộ thiên ở khu vực dân cư
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 2. Hiện trường các cây gỗ quý bị chặt hạ
(Nguồn: laodong.vn)



Hình 3. Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt
(Nguồn: baotayninh.vn)



Hình 4. Hoạt động trồng cây
(Nguồn: laodong.vn)

Khám phá

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Trong giai đoạn 2016 – 2020, sự gia tăng dân số của tỉnh Tây Ninh đã đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; từ đó làm phát sinh sức ép cho môi trường (tăng lượng nước thải, chất thải rắn) và nhu cầu khai thác khoáng sản ngày càng tăng. Qua đó, tỉnh Tây Ninh luôn quan tâm thực hiện công tác kiểm soát, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; tạo nhiều sự chuyển biến tích cực, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

1. Môi trường tự nhiên

Theo đánh giá của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, tình trạng môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh vẫn còn bị ô nhiễm một số nơi do chịu tác động từ: nguồn nước thải, chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư, hoạt động sản xuất công nghiệp, các cơ sở chế biến, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thuỷ sản, sử dụng chất bảo vệ thực vật, chất kích thích sinh trưởng không hợp lí trong nông nghiệp và một số nguồn gốc ô nhiễm tự nhiên[1].

Mỗi ngày cả tỉnh phát sinh khoảng 410 tấn chất thải rắn sinh hoạt, trong đó, lượng rác ở khu vực nông thôn phát sinh cao hơn ở khu vực đô thị nhưng công tác thu gom, xử lí ở các vùng nông thôn lại kém hơn rất nhiều so với các vùng đô thị. Cụ thể, việc thu gom xử lí chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị đạt 95% nhưng ở nông thôn chỉ đạt 70%[2].

Ô nhiễm môi trường gây ra nhiều tác động tiêu cực:

– *Tác động đến sức khoẻ con người:* Ô nhiễm môi trường tác động trực tiếp đến sức khoẻ con người thông qua hai con đường chính là: ăn phải các loại rau, củ, quả, thuỷ sản hoặc uống phải nước bị ô nhiễm và khi tiếp xúc với môi trường bị ô nhiễm trong

[1] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020.*
[2] Trích Tây Ninh: Cần tuyên truyền việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tới người dân, Báo Môi trường và Cuộc sống, ngày 23 – 6 – 2022.

quá trình sinh hoạt, lao động. Ô nhiễm môi trường sẽ làm cho sức khoẻ con người bị suy giảm và gây ra các bệnh về đường tiêu hoá, bệnh ho, hen suyễn, lao phổi, bệnh về da, viêm não, ung thư,... Mức độ ảnh hưởng của từng người tuỳ thuộc vào tình trạng sức khoẻ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm.



Hình 5. Tình trạng rác thải bừa bãi trong khu dân cư chưa được thu gom ở phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, năm 2019
(Nguồn: baotayninh.vn)

– *Tác động đến kinh tế – xã hội:* Ô nhiễm môi trường gây thiệt hại cho kinh tế, xã hội do gánh nặng về chi phí khám, điều trị bệnh tật của người dân, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ du lịch; các chi phí về xử lí ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến ngân sách quốc gia.

– *Tác động đến môi trường sống:* Ô nhiễm môi trường tác động rất lớn đến các hệ sinh thái, huỷ hoại nơi cư trú và môi trường sống của các loài sinh vật, làm suy giảm thành phần các loài.

– Ô nhiễm môi trường đã tác động đến sức khoẻ con người, đến kinh tế – xã hội, đến môi trường sống như thế nào?

– Theo em, vì sao tỉnh Tây Ninh cần phải thực hiện các công tác bảo vệ môi trường?

2. Tài nguyên thiên nhiên

Tỉnh Tây Ninh có các loại tài nguyên thiên nhiên quan trọng gồm: đất, nước, rừng, khoáng sản. Diện tích đất tự nhiên của tỉnh Tây Ninh là 404 125,3 ha, gồm 15 loại đất khác nhau với 5 loại đất chính. Trong đó, nhóm đất xám khoảng 339 833 ha, chiếm 84,4% diện tích đất tự nhiên; các nhóm đất còn lại gồm: đất phèn, đất đỏ vàng, đất phù sa và đất than bùn. Đến năm 2020, diện tích đất tỉnh Tây Ninh phân theo mục đích sử dụng như sau: đất nông nghiệp 342 144 ha (chiếm 84,6% tổng diện tích tự nhiên) và đất phi nông nghiệp 62 021 ha (chiếm 15,4%). Cùng với điều kiện khí hậu ôn hoà, đất đai ở tỉnh Tây Ninh có nhiều thuận lợi để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp kết hợp, phù hợp cho việc canh tác nhiều loại cây trồng khác nhau, cây công nghiệp ngắn và dài ngày như: mía, mì, đậu phộng, cao su,... và các loại cây ăn quả, rau màu khác[1]. Trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, tài nguyên đất là đầu vào của nhiều hoạt động sản xuất, vì vậy, tỉnh Tây Ninh cần có những biện pháp quản lí trong việc khai thác, sử dụng, tài nguyên đất hợp lí để không gây ô nhiễm, suy thoái tài nguyên đất.

[1] Theo Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh, năm 2018.

Nguồn nước mặt ở tỉnh Tây Ninh chủ yếu dựa vào hệ thống hai sông lớn là sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông và hồ dầu Tiếng với dung tích 1,45 tỉ m^3 giúp cân bằng sinh thái, phục vụ tưới tiêu trong nông nghiệp, cung cấp nước cho nuôi trồng thuỷ sản, sinh hoạt tiêu dùng và cho sản xuất công nghiệp. Trong đó, hồ Dầu Tiếng là nguồn nước cấp trực tiếp và gián tiếp cho hoạt động sinh hoạt của hàng triệu dân ở tỉnh Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh có nguồn nước ngầm khá phong phú, phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh, với tổng lưu lượng nước ngầm có thể khai thác được từ 50 – 100 000 m^3/giờ. Vào mùa khô vẫn có thể khai thác nước ngầm, đảm bảo chất lượng cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Hiện nay, chất lượng nguồn nước chịu tác động từ các hoạt động sản xuất, nước thải sinh hoạt,...

Bên cạnh đó, tài nguyên rừng Tây Ninh thuộc dạng rừng thưa khô, rừng hỗn giao tre nứa và cây gỗ. Diện tích rừng năm 2022 là 66 569 ha, trong đó: rừng tự nhiên là 46 425 ha, rừng trồng là 20 144 ha.

Về đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, hệ thực vật rừng đã tổng kết được khoảng 700 loài với đại diện của 5 ngành thực vật, 60 bộ, 116 họ và 396 chi. Hệ động vật đã ghi nhận được 149 loài chim, 56 loài bò sát. Tình trạng lạm dụng, lấn chiếm đất rừng tự nhiên, tình trạng khai thác lâm sản quá đà không tái tạo khiến tài nguyên rừng cạn kiệt, mất cân bằng hệ sinh thái, ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài sinh vật.



Hình 6. Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát, huyện Tân Biên
(Nguồn: logoxamat.tayninh.gov.vn)

Tây Ninh còn có các mỏ khoáng sản phi kim loại có giá trị như: đá vôi, than bùn, cuội sỏi, cát, sét,... phục vụ cho hoạt động xây dựng và công nghiệp. Hằng năm, hoạt động khai thác đất, đá, cát, sỏi diễn ra thường xuyên, nhất là tình trạng khai thác cát ở hồ Dầu Tiếng diễn ra ồ ạt, gây xói mòn, sạt lở và làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có một số mỏ nước khoáng thiên nhiên cung cấp cho các nhà máy sản xuất nước khoáng.

Mặc dù, Tây Ninh là một tỉnh có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và dồi dào nhưng với sức ép ngày càng tăng của nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, việc khai thác tài nguyên một cách hợp lí và bền vững đang là thách thức không nhỏ cho công tác quản lí của các ban, ngành chức năng ở địa phương.

– Tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Tây Ninh?

– Vì sao tỉnh Tây Ninh cần phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

II. TÌNH HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở TỈNH TÂY NINH

Tây Ninh là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, tiếp giáp với các địa phương có nền kinh tế phát triển, năng động như: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và là cửa ngõ giao thương với Cam-pu-chia. Đây là điều kiện thuận lợi cho tỉnh phát triển kinh tế – xã hội. Cùng với sự phát triển kinh tế, các vấn đề về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên luôn được tỉnh Tây Ninh quan tâm, thực hiện.

1. Tình hình bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, các ban, ngành chức năng của tỉnh đã tăng cường quản lí, thực thi pháp luật về Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; thường xuyên tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phổ biến rộng rãi các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường gắn với các sự kiện, ngày kỉ niệm như: Ngày Môi trường Thế giới 5 – 6, Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường (từ ngày 29 – 4 đến ngày 6 – 5), Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn (tổ chức định kì vào tuần thứ 3 tháng 9 hằng năm),... Cùng với đó, công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường luôn gắn với tuyên truyền các cuộc vận động của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Các hoạt động phát triển môi trường xanh – sạch – đẹp được các cấp, các ngành và nhân dân đồng tình, hưởng ứng tích cực.



Hình 7. Người dân tham gia vệ sinh, thu gom rác nhằm hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới 5 – 6 tại xã Long Giang, huyện Bến Cầu
(Nguồn: sotttt.tayninh.gov.vn)

Đối với các vấn đề về nguồn nước, chính quyền các cấp thường xuyên kiểm tra và tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông; đầu tư xử lí nước thải, nhất là nước

thải từ y tế, sinh hoạt đô thị, công nghiệp,... nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về môi trường.

Các cơ quan chức năng đã thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông về nước sạch trong trường học, trạm xá và cộng đồng dân cư. Đồng thời, vận động người dân tham gia sử dụng nước sạch, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng theo tiêu chí nông thôn mới (kết quả 98,69% hộ dân ở nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh[1]); hướng dẫn người làm nông nghiệp sử dụng hoá chất hợp lí. Cụ thể, người làm nông nghiệp được hướng dẫn sử dụng hoá chất hợp lí trên đồng ruộng theo nguyên tắc "4 đúng": gom và xử lí bao bì của hoá chất đúng quy định; kiểm soát việc sử dụng hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản; hạn chế sử dụng các loại phân và thuốc bảo vệ thực vật có hàm lượng hoá chất cao trong canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản; khuyến khích sử dụng các sản phẩm thay thế túi ni lông, thân thiện với môi trường.

Đối với vấn đề về xử lí chất thải, các cơ quan chức năng thường xuyên rà soát, khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các hộ dân phát triển chăn nuôi trang trại đầu tư công nghệ, tiên tiến về xử lí chất thải. Quy hoạch, xây dựng vùng chăn nuôi tập trung cách xa khu dân cư; xử lí nghiêm đối với các doanh nghiệp, trang trại không đảm bảo các giải pháp xử lí môi trường,... và các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm cũng được nâng cấp, đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, được ngành chức năng kiểm soát chặt chẽ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:

– Công tác thông tin tuyên truyền về bảo vệ môi trường thiếu thường xuyên, chưa tạo được tính tự giác, thói quen, ý thức chấp hành và giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp chưa cao, vẫn còn tình trạng chôn lấp rác thải độc hại, lén lút xả nước thải chưa qua xử lí ra môi trường. Tình trạng gây ô nhiễm môi trường cục bộ do sự cố từ một số công trình xử lí nước thải còn xảy ra ở một số nơi.

– Việc thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trong khu dân cư chưa được thực hiện rộng rãi đến các xã; một số huyện chưa xây dựng sơ đồ về tuyến thu gom, vận chuyển rác của các tổ chức, cá nhân. Việc xử lí chất thải của một số cơ sở y tế chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; quản lí, phân loại và tiêu huỷ rác thải y tế chưa triệt để, hiệu quả còn thấp,...

– Tại tỉnh Tây Ninh, mỗi ngày cả tỉnh phát sinh 410 tấn chất thải rắn sinh hoạt, trong đó, việc thu gom xử lí chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị đạt 95% nhưng ở nông thôn chỉ đạt 70%[2].

---

[1] Theo Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh, năm 2020.

[2] Trích Tây Ninh: Cần tuyên truyền việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tới người dân, Báo Môi trường và Cuộc sống, ngày 23 – 6 – 2022.

– Cho biết những hoạt động bảo vệ môi trường đã được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

– Dựa vào thông tin trong bài và hiểu biết của bản thân, hãy chỉ ra những tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường ở địa phương em.

2. Tình hình bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Về tài nguyên đất: Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của tỉnh Tây Ninh đã ban hành các chính sách, kế hoạch khai thác, sử dụng đất hợp lí, đánh giá hiện trạng quỹ đất, mức độ và các dạng suy thoái, từ đó, lựa chọn mô hình hợp lí để phục hồi sức sống cho đất. Việc canh tác không hợp lí cũng góp phần làm ảnh hưởng tới chất lượng của đất, tạo điều kiện cho các quá trình phèn hoá, axit hoá, gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Đồng thời, những tác động từ quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá làm sản sinh ra nhiều loại hoá chất độc hại, khó phân huỷ,... cũng đã và đang ảnh hưởng rất lớn đến quỹ đất và độ màu mỡ của đất.

Về tài nguyên nước: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện dự án Xác định cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; dự án Khoanh định, phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Bên cạnh đó, còn thực hiện tuyên truyền và giáo dục về pháp luật tài nguyên nước; tổ chức ngày Nước thế giới 22 – 3 – 2020 với chủ đề Nước và biến đổi khí hậu nhằm nhấn mạnh vai trò quan trọng của tài nguyên nước, các giải pháp quản lí bền vững nguồn nước trong việc giảm thiểu các tác động trong biến đổi khí hậu.

Về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học: Trong thời gian qua, công tác quản lí, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đã đạt được một số kết quả nhất định, đặc biệt là cơ bản kiểm soát, xử lí ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các tình trạng chặt phá rừng, trộm cắp lâm sản, bẫy bắt động vật rừng; lấn chiếm mới, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích,... Tuy nhiên, ở một vài khu vực, nhất là tại rừng phòng hộ Dầu Tiếng, tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp, trộm cắp lâm sản vẫn còn xảy ra, có lúc diễn biến phức tạp.

Những loài thú tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát đang bị đe doạ nghiêm trọng vì tác động của con người và môi trường phát triển ngày càng xấu đến vùng cư trú, trong đó, có một số loài thuộc Danh mục nguy cấp như: voọc chà vá chân đen, voọc bạc, khỉ đuôi lợn, cu li nhỏ, dơi chó tai ngắn, sóc bay đen trắng,... Trong giai đoạn 2016 – 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên tổ chức lực lượng phối hợp gồm lực lượng

kiểm lâm, bảo vệ rừng của vườn quốc gia, lực lượng biên phòng, dân quân các xã trú đóng trên địa bàn tiến hành các đợt tuần tra kiểm soát nhằm phát hiện và ngăn chặn các tác động gây hại đến môi trường sống cũng như các hoạt động săn bắn, bẫy bắt các loài động vật hoang dã.



– Công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Tây Ninh đã đạt được những kết quả gì?

– Kể một số việc làm cụ thể mà học sinh có thể thực hiện nhằm góp phần bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường

Trích *khoản 1, 2, 5, 8, 9, 10, 12, 13, 14 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020* quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường như sau:

1. Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kĩ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lí đạt quy chuẩn kĩ thuật môi trường ra môi trường.

5. Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

9. Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

10. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kĩ thuật môi trường.

12. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

13. Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

14. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

– Trích *khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9 Điều 9 Luật Lâm nghiệp năm 2017* quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp như sau:

1. Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật.

2. Đưa chất thải, hoá chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chăn, dắt, thả gia súc, vật nuôi vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

3. Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật.

4. Huỷ hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

5. Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lí các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng.

7. Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng.

9. Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.

– Trích *khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2012* quy định về các hành vi bị nghiêm cấm như sau:

1. Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

2. Xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lí hoặc xử lí chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kĩ thuật vào nguồn nước.

3. Xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào lòng đất thông qua các giếng khoan, giếng đào và các hình thức khác nhằm đưa nước thải vào trong lòng đất; gian lận trong việc xả nước thải.

4. Đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch.

5. Khai thác trái phép cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động khác trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

6. Phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

7. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

8. Thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trái phép.

9. Không tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

– Trích *khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2008* quy định về những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học như sau:

1. Săn bắt, đánh bắt, khai thác loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc vì mục đích nghiên cứu khoa học; lấn chiếm đất đai, phá hoại cảnh quan, huỷ hoại hệ sinh thái tự nhiên, nuôi trồng các loài ngoại lai xâm hại trong khu bảo tồn.

3. Điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thuỷ sản quy mô công nghiệp; cư trú trái phép, gây ô nhiễm môi trường trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn.

4. Săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

5. Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo trái phép loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

6. Nhập khẩu, phóng thích trái phép sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen.

7. Nhập khẩu, phát triển loài ngoại lai xâm hại.



– Trình bày những quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

– Dựa vào các hành vi bị nghiêm cấm của pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hãy cho biết những vi phạm trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên đang diễn ra ở địa phương.



Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ tư duy về nội dung Tài nguyên thiên nhiên ở tỉnh Tây Ninh.

2. Đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi.

Tình huống 1: Tại khu dân cư nơi B sinh sống có một số cơ sở sản xuất tinh bột sắn, chăn nuôi gia súc. Các cơ sở này thường xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lí xuống cống, rãnh. Tình trạng này đã gây ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống, sinh hoạt của người dân xung quanh.

Nếu là bạn B, em sẽ làm gì để bảo vệ môi trường?

Tình huống 2: Nhà bạn K sinh sống ở gần khu vực rừng đặc dụng, bạn K thường chứng kiến một số người dân trong thôn đi đặt bẫy, săn bắt thú trong khu rừng này.

Nếu là bạn K, em sẽ làm gì để đấu tranh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

3. Dựa vào những hiểu biết của bản thân, hãy đề xuất một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.



Vận dụng

Lập kế hoạch để tham gia, thực hiện một số việc làm phù hợp nhằm góp phần bảo vệ môi trường ở khu vực nhà trường, khu dân cư hoặc ở địa phương nơi em sinh sống và chia sẻ kết quả trước lớp.

Lưu ý:

– Xác định những việc cần làm, phù hợp với bản thân.

– Khi thực hiện hoạt động lao động cần trang bị những vật dụng cần thiết (khẩu trang, găng tay,...) và nhờ sự hỗ trợ từ thầy cô, bố mẹ, người thân,...

– Ghi lại những kết quả đạt được sau khi thực hiện.

BẢNG THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ/ KHÁI NIỆM	GIẢI THÍCH
Chất độc hại	Chất nguy hiểm, có ít nhất một trong những đặc tính sau: dễ cháy, dễ nổ, oxy hoá mạnh, gây kích ứng với con người, gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư, biến đổi gen, độc hại đến môi trường,...
Lưu dân	Người nơi khác đến ở tại một địa phương.
Môi trường	Các yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh con người (không khí, nước, độ ẩm, sinh vật,...) ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng đến các hoạt động sống của con người.
Nghệ nhân	Người chuyên biểu diễn một bộ môn nghệ thuật hoặc chuyên làm một nghề thủ công mĩ nghệ.
Người lao động	Người làm việc cho người sử dụng lao động theo thoả thuận, được trả lương và chịu sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.
Tài nguyên thiên nhiên	Những của cải có sẵn trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, chế biến, sử dụng phục vụ cuộc sống, sản xuất (mỏ khoáng sản, dầu khí, động thực vật,...)
Thuộc địa	Vùng lãnh thổ hoặc quốc gia bị cai trị bởi một quốc gia khác, không có chủ quyền hoặc lệ thuộc về chính trị, kinh tế, văn hoá.
Trù mật	Đông đúc, người ở dày đặc và làm ăn có vẻ thịnh vượng.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chịu trách nhiệm nội dung:

Biên tập nội dung

Thiết kế sách

Trình bày bìa

Minh hoạ

Sửa bản in

Chế bản

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH TÂY NINH – LỚP 8

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày .... tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ....năm 20....

Mã số ISBN:

